

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOẢN PHÚ HƯNG
PHU HUNG SECURITIES
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 81/2026/PHS-PL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, 30 March 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN PHÚ HƯNG (“PHS”)**
Name of organization: **PHU HUNG SECURITIES CORPORATION (“PHS”)**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/Stock code/Broker code: PHS/022
- Địa chỉ/Address: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh/21st Floor, Phu My Hung Tower, 08 Hoang Van Thai, Tan My Ward, Ho Chi Minh City
- Điện thoại liên hệ/Tel.: (+84 28) 5413 5479 Fax: (+84 28) 5413 5472
- E-mail: cbtt_phs@phs.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure*:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2025 (chi tiết tham khảo tài liệu đính kèm).

According to Circular 96/2020/TT-BTC on guidance for information disclosure in the stock market, PHS sincerely discloses Annual Report of 2025 (further information, please find the attachment).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS vào ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại đường dẫn: <https://www.phs.vn>, phần Về PHS, mục Quan hệ cổ đông.

This information was published on PHS's website on 30 March 2026 in the link at <https://www.phs.vn>, tab About PHS, and Investor relation.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

Attached Document:

- Báo cáo thường niên năm 2025.
Annual Report of 2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



Ông/ Mr. CHEN CHIA KEN
Tổng Giám đốc
General Director



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

PHS **ELITE** XPRO



xpro.phs.vn

MỤC LỤC

02

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và Nhân sự	24
Tình hình đầu tư & tình hình thực hiện các dự án	26
Tình hình tài chính	26
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	30

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	10
Ngành nghề và Địa điểm kinh doanh	14
Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16
Định hướng phát triển	18
Các rủi ro	19

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
Tình hình tài chính	36
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	38
Kế hoạch phát triển trong tương lai	39
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	42
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	42

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	46
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty	49
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	49

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	52
Ban kiểm soát	57
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	59

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	66
Báo cáo tài chính được kiểm toán	68

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm vừa qua ghi dấu một giai đoạn đầy biến động của bức tranh chính trị toàn cầu. Những căng thẳng địa chính trị kéo dài, xung đột khu vực, cùng với sự dịch chuyển trong quan hệ chiến lược giữa các nền kinh tế lớn đã và đang tạo ra nhiều bất định cho trật tự kinh tế – tài chính thế giới. Trong bối cảnh đó, yếu tố ổn định, khả năng thích ứng và tầm nhìn dài hạn trở thành nền tảng quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia cũng như từng tổ chức.



Trên phương diện kinh tế, thế giới đang bước vào một chu kỳ vận động mới, nơi công nghệ giữ vai trò trung tâm trong việc tái định hình mô hình tăng trưởng. Trí tuệ nhân tạo (AI), các tác nhân AI và robot không còn là xu hướng của tương lai mà đã trở thành động lực hiện hữu, tác động sâu rộng đến năng suất lao động, phương thức sản xuất, tiêu dùng và hoạt động đầu tư. Dòng vốn toàn cầu ngày càng ưu tiên những nền kinh tế, doanh nghiệp có năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị hiệu quả và khả năng thích nghi nhanh với sự thay đổi của công nghệ.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là một điểm sáng về ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế. Năm qua, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng, cùng với chiến lược đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Đây là những nền tảng quan trọng, tạo dư địa cho tăng trưởng dài hạn và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong khu vực và trên trường quốc tế.

Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng ghi nhận một cột mốc mang tính bước ngoặt khi FTSE Russell nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp, với hiệu lực dự kiến từ tháng 9/2026. Sự kiện này không chỉ phản ánh những nỗ lực cải cách về thể chế, hạ tầng và tính minh bạch của thị trường, mà còn mở ra cơ hội thu hút dòng vốn đầu tư quốc tế quy mô lớn, dài hạn, góp phần nâng cao vị thế của thị trường chứng khoán Việt Nam trên bản đồ tài chính toàn cầu.

Trong dòng chảy chung của nền kinh tế và thị trường, Chứng khoán Phú Hưng (PHS) tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển bền vững, lấy công nghệ và con người làm trọng tâm. Chúng tôi ghi nhận kết quả tăng trưởng tích cực trong hoạt động kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tác nhân AI, tự động hóa nhằm đổi mới phương thức vận hành, nâng cao hiệu suất làm việc và từng bước hình thành một môi trường làm việc linh hoạt, hiện đại.

Song song đó, PHS tiếp tục ra mắt nhiều sản phẩm và giải pháp đầu tư mới, được thiết kế theo hướng ngày càng cá nhân hóa, phù hợp với nhu cầu đa dạng của từng nhóm khách hàng trong bối cảnh thị trường biến động nhanh và phức tạp. Chúng tôi tin rằng, vai trò của một công ty chứng khoán trong giai đoạn mới không chỉ dừng lại ở cung cấp dịch vụ giao dịch, mà còn là người đồng hành đáng tin cậy, giúp khách hàng ra quyết định đầu tư dựa trên dữ liệu, công nghệ và sự thấu hiểu sâu sắc về thị trường.

Bước sang năm 2026, Chứng khoán Phú Hưng sẽ chính thức kỷ niệm 20 năm hình thành và phát triển. Đây là cột mốc mang nhiều ý nghĩa, vừa là dịp để chúng tôi nhìn lại chặng đường đã qua với niềm tự hào và sự tri ân, vừa là thời điểm để xác lập một tầm nhìn mới cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Hai mươi năm là nền tảng vững chắc, nhưng đồng thời cũng là điểm khởi đầu cho một hành trình mới, nơi PHS tiếp tục cam kết đổi mới, nâng cao chuẩn mực quản trị và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Chứng khoán Phú Hưng; cảm ơn vì đã lựa chọn chúng tôi trong suốt hành trình vừa qua. Với nền tảng đã được gây dựng cùng tinh thần đổi mới không ngừng, chúng tôi tin tưởng rằng Chứng khoán Phú Hưng sẽ tiếp tục tạo dựng giá trị bền vững, khẳng định vị thế trên thị trường và tự tin bước vào chặng đường phát triển mới với trách nhiệm cao nhất đối với Quý cổ đông và các bên liên quan.

Trân trọng,
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

ÔNG



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2025

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2024	Thay đổi 2024/2023	2025	Thay đổi 2025/2024
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu	506.958	-15,5%	676.033	33,4%
Môi giới	145.494	-3,4%	183.905	26,4%
Đầu tư	12.554	-12,4%	36.591	191,5%
Tư vấn	33	N/A	236	622,2%
Khác	348.877	-19,8%	455.301	30,5%
Chi phí	506.618	-6,9%	559.277	10,4%
Lợi nhuận trước thuế	341	-99,4%	116.756	34148,0%
Lợi nhuận sau thuế	108	-99,8%	93.320	86257,3%
ROE	0,00007	(0.03)	0,04	0,04
ROA	0,00003	(0.01)	0,02	0,02
TÀI SẢN				
Tổng tài sản	3.931.365	-2,7%	5.584.215	42.0%
Vốn điều lệ	2.000.098	33,3%	2.000.098	0,0%
Vốn chủ sở hữu	2.067.098	28,2%	2.140.417	3,5%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	1,90		2,61	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	0,90		1,61	
Tỷ lệ an toàn vốn	669%		570%	
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	0,7	-99,8%	467	66554.3%
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	154.517.526	3,0%	200.009.329	29,4%
Cổ tức / cổ phần (đồng)	100			



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	10
Ngành nghề và Địa điểm kinh doanh	14
Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	16
Định hướng phát triển	18
Các rủi ro	19

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

❖ **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG ("PHS")**

❖ **Giấy phép kinh doanh số:**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 20/01/2016.

Giấy phép điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/03/2025.

Giấy phép điều chỉnh 48/GPĐC-UBCK thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam do UBCK cấp ngày ngày 24/06/2021

❖ **Vốn điều lệ** 2,000,098,190,000 đồng

❖ **Vốn đầu tư** 2,140,417,230,247 đồng

❖ **Địa chỉ** Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

❖ **Số điện thoại** (84 28) 5413-5479

❖ **Số fax** (84 28) 5413-5472

❖ **Website** www.phs.vn

❖ **Email** support@phs.vn

❖ **Mã cổ phiếu** PHS



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

15/11/2006: Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng.

01/12/2006: UBCK cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

14/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

18/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

29/12/2006: Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.

05/09/2008: Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.

10/11/2008: Chuyển Trụ sở chính chuyển về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

23/01/2009: Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

28/04/2009: Tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng.

12/01/2010: Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng.

13/11/2012: Tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng.

18/03/2014: Trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

19/11/2015: Chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành.

20/01/2016: UBCK cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK. Vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng.

29/06/2016: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

25/07/2016: Tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng.

23/01/2017: UBCK chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

11/01/2018: Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng.

27/04/2018: Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ.

26/12/2018: Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng.

19/07/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UpCoM.

31/07/2019: Cổ phiếu PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM.

04/03/2020: Tăng vốn điều lệ lên 900.000.000.000 đồng.

16/06/2020: UBCK cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán Phái Sinh.

24/06/2021: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

28/09/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.400.000.000.000 đồng.

31/12/2021: UBCK cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 57/GCN-UBCK ngày 31/12/2021.

29/04/2022: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

29/08/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.500.098.190.000 đồng.

22/11/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

27/02/2023: Chứng quyền có bảo đảm của PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch.

05/12/2023: Trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

24/12/2024: Tăng vốn điều lệ lên 2.000.098.190.000 đồng.

21/03/2025: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

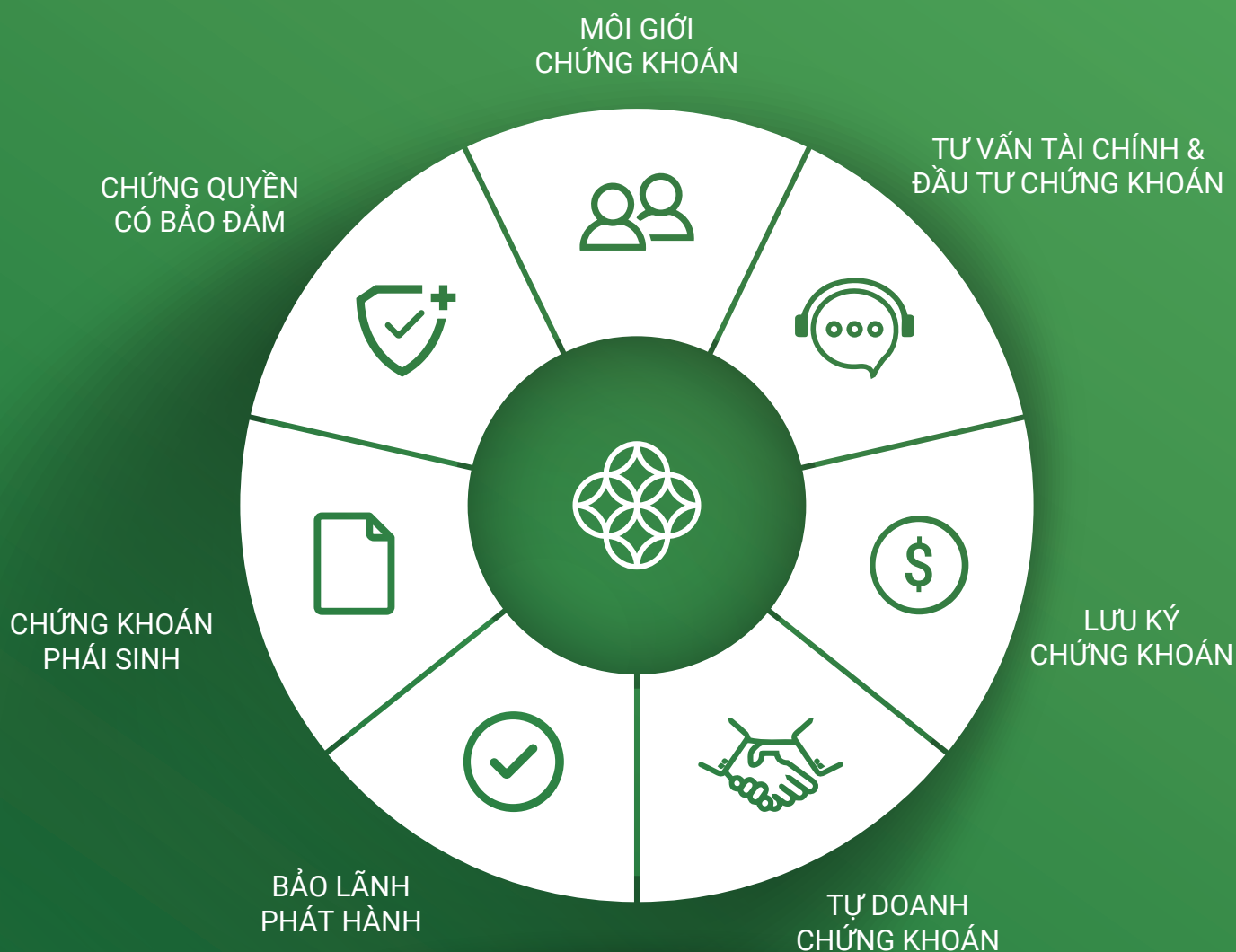
Các sự kiện khác:

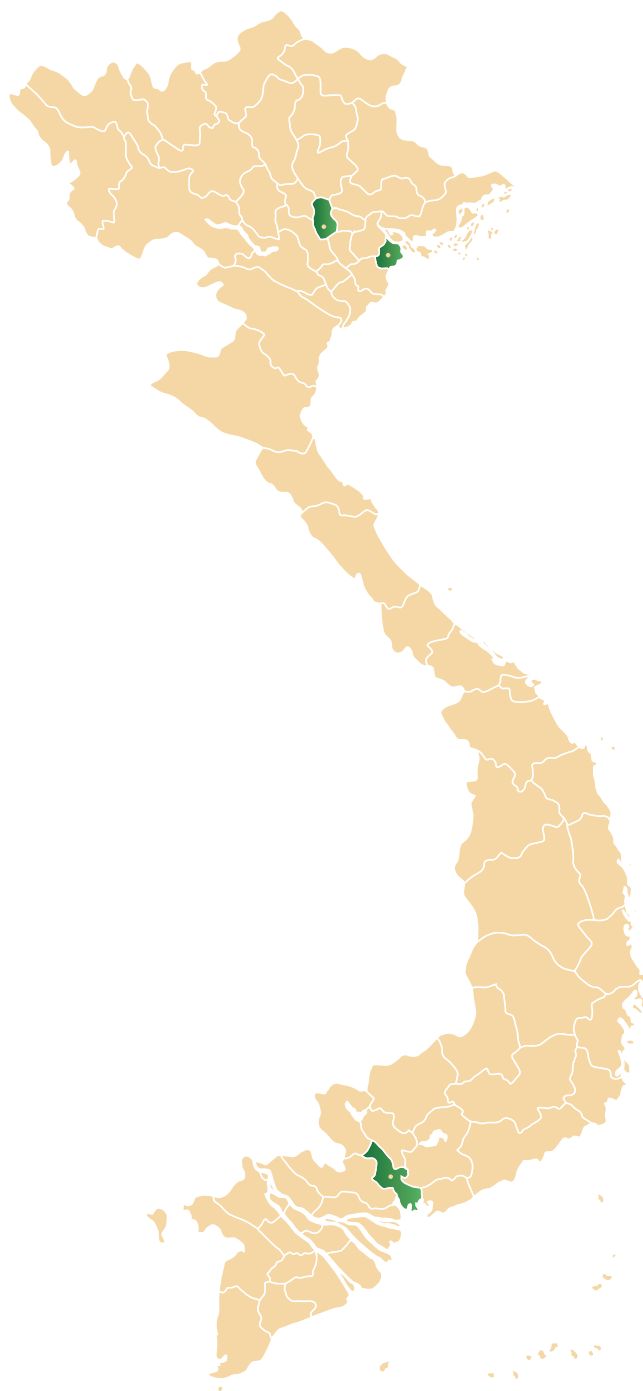
16/12/2016: PHS được UBCK tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc công ty.

12/2016: PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc công ty.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH





MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

❖ Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 28) 3535 6060 Fax: (84 28) 3535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 28) 3820 8068 Fax: (84 28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84 28) 3813 2401 Fax: (84 28) 3813 2415

❖ Các tỉnh/thành phố khác:

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (84 24) 6250 9999 Fax: (84 24) 6250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà số 18 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
ĐT: (84 225) 384 1810 Fax: (84 225) 384 1801

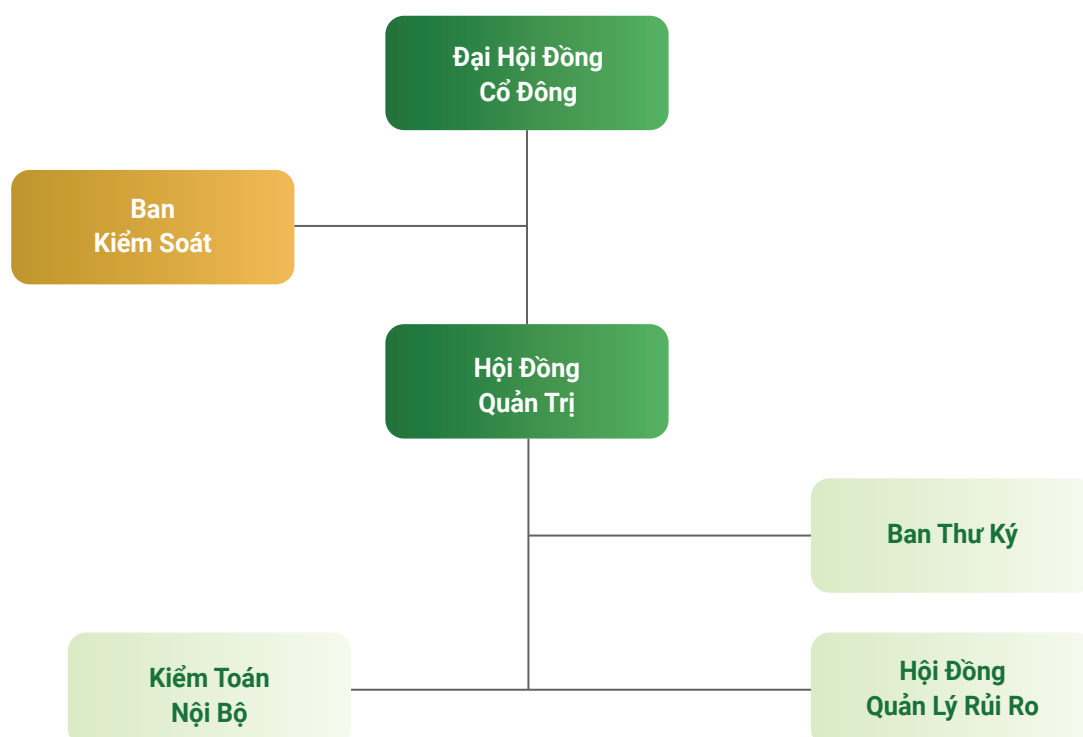
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, có trách nhiệm bầu Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị (“HĐQT”).

HĐQT đại diện cho cổ đông trong việc giám sát và quản lý Công ty, trong khi Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (“BTGD”). HĐQT chịu trách nhiệm quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Kiểm toán Nội bộ và Hội đồng Quản lý Rủi ro báo cáo trực tiếp cho HĐQT, trong khi Ban Thư ký Công ty cung cấp hỗ trợ về hành chính và quản trị cho HĐQT.



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

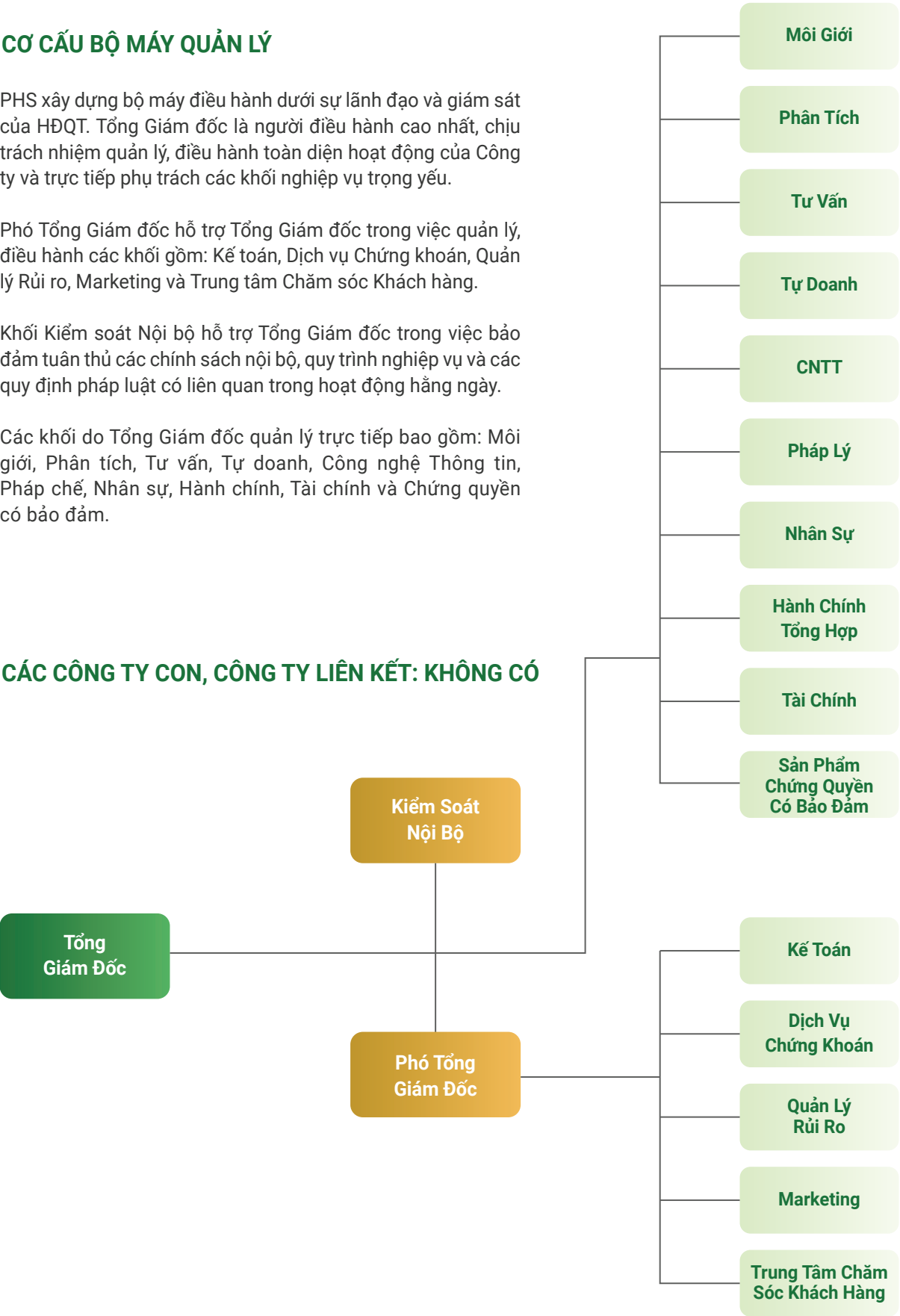
PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và giám sát của HĐQT. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn diện hoạt động của Công ty và trực tiếp phụ trách các khối nghiệp vụ trọng yếu.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành các khối gồm: Kế toán, Dịch vụ Chứng khoán, Quản lý Rủi ro, Marketing và Trung tâm Chăm sóc Khách hàng.

Khối Kiểm soát Nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc bảo đảm tuân thủ các chính sách nội bộ, quy trình nghiệp vụ và các quy định pháp luật có liên quan trong hoạt động hằng ngày.

Các khối do Tổng Giám đốc quản lý trực tiếp bao gồm: Môi giới, Phân tích, Tư vấn, Tự doanh, Công nghệ Thông tin, Pháp chế, Nhân sự, Hành chính, Tài chính và Chứng quyền có bảo đảm.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2026

Trong năm 2026, PHS định hướng củng cố vị thế cạnh tranh thông qua việc hoàn thiện mô hình hoạt động theo các chuẩn mực ngày càng nâng cao của thị trường vốn Việt Nam, trong bối cảnh thị trường đang bước vào giai đoạn tái cấu trúc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và gia tăng yêu cầu từ phía nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý.

Công ty tập trung nâng cao năng lực tổ chức thông qua việc cải thiện hiệu quả vận hành, tăng cường năng lực khai thác dữ liệu và phát triển các nền tảng công nghệ tích hợp. Đồng thời, việc củng cố các chuẩn mực quản trị, nâng cao tính ổn định trong hoạt động và ứng dụng các công cụ phân tích tiên tiến được xác định là nền tảng quan trọng nhằm hỗ trợ tăng trưởng bền vững, qua đó duy trì chất lượng dịch vụ ổn định, nhất quán trong môi trường thị trường ngày càng phát triển theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

HĐQT đã xác lập định hướng chiến lược tập trung vào việc tăng cường năng lực vận hành, được xem là tiền đề cho tăng trưởng dài hạn. Trọng tâm ưu tiên là đẩy nhanh tự động hóa và chuẩn hóa quy trình nhằm nâng cao độ chính xác trong hoạt động, tăng cường giám sát tuân thủ, cải thiện hiệu quả phối hợp nội bộ và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực, qua đó nâng cao năng suất và hiệu quả vận hành.

Trên nền tảng vận hành này, PHS sẽ tăng cường năng lực thấu hiểu khách hàng thông qua phân tích dữ liệu và các công cụ khai thác thông tin chuyên sâu, nhằm hiểu rõ hơn hành vi khách hàng, hỗ trợ phát triển sản phẩm theo định hướng mục tiêu và nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ. Đồng thời, Công ty thúc đẩy đổi mới sản phẩm theo hướng có kiểm soát, tập trung vào các sản phẩm cấu trúc, giải pháp đầu tư thiết kế riêng và các chiến lược ứng dụng công nghệ phù hợp với nhu cầu thị trường.

Song song đó, PHS tiếp tục nâng cấp hạ tầng công nghệ, bao gồm hệ thống giao dịch, an ninh mạng và kiến trúc dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây, nhằm hỗ trợ năng lực phân tích có khả năng mở rộng và bảo đảm sự sẵn sàng trước các bước phát triển trong tương lai của thị trường. Thông qua các định hướng này, PHS khẳng định cam kết đối với phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả vận hành và tạo dựng giá trị dài hạn.

CÁC RỦI RO

- ❖ **Rủi ro thị trường** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- ❖ **Rủi ro thanh toán** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- ❖ **Rủi ro thanh khoản** là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- ❖ **Rủi ro hoạt động** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- ❖ **Rủi ro pháp lý** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.
- ❖ **Rủi ro môi trường và thiên tai** là rủi ro về các biến đổi về môi trường như lụt lội, cơn bão, động đất có thể gây ra các nguy cơ về mất mát vật chất và nguy cơ ngưng hoạt động của các PHS và những công ty mà PHS đang đầu tư hoặc hỗ trợ.
- ❖ **Rủi ro về dịch bệnh** là rủi ro như dịch bệnh như COVID-19 có thể gây ra những tác động kinh tế và tài chính đáng kể, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.



Các chính sách quản lý rủi ro của PHS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà PHS có thể gặp phải, từ đó đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của PHS. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.



02

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và Nhân sự	24
Tình hình đầu tư & tình hình thực hiện các dự án	26
Tình hình tài chính	26
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	30

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận năm 2025 bứt phá mạnh mẽ cả về thanh khoản lẫn mặt bằng điểm số. VN-Index chính thức vượt vùng đỉnh lịch sử 1.500 điểm và tiếp tục thiết lập các cột mốc cao mới. Chỉ số khép lại năm tại 1.784,5 điểm, tăng hơn 40% so với cuối năm 2024. Thanh khoản toàn thị trường cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân trên ba sàn đạt trên 29,4 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng gần 40% so với mức trung bình của năm trước. Đáng chú ý, riêng tháng 8 ghi nhận kỷ lục thanh khoản khi giá trị vượt 50 nghìn tỷ đồng/phiên, phản ánh sự sôi động và mức độ tham gia tích cực của dòng tiền.

Quy mô vốn hóa cũng mở rộng tương ứng. Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu trên HOSE đạt hơn 8,3 triệu tỷ đồng, tăng 59,5% so với cuối năm 2024.

Tính chung cả ba sàn HOSE, HNX và UPCoM, quy mô vốn hóa của thị trường cổ phiếu đạt hơn 9,9 triệu tỷ đồng, tăng hơn 39% so với cuối năm 2024 và tương đương gần 78% GDP.

Đáng chú ý, năm 2025, hoạt động tăng vốn và IPO diễn ra mạnh mẽ, nổi bật trong ngành chứng khoán. Theo đó, nhiều công ty chứng khoán niêm yết đã thực hiện tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu, huy động hàng chục nghìn tỷ đồng nhằm củng cố tiềm lực tài chính, mở rộng dư địa cho vay, tăng tính cạnh tranh cũng như đón đầu cơ hội từ việc nâng hạng thị trường. Bên cạnh các công ty niêm yết, các thương vụ huy động vốn thông qua IPO làm cho thị trường vốn thêm sôi động, giúp tái định giá và nâng cao kỳ vọng tăng trưởng dài hạn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong những năm gần đây, kết quả hoạt động của Công ty duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định và liên tục qua các năm. Năm 2025, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt khoảng 117 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 93 tỷ đồng, tăng so với năm 2024. Kết quả này phản ánh cả sự hỗ trợ từ điều kiện thị trường thuận lợi và việc tiếp tục được củng cố các nền tảng kinh doanh tổng thể của Công ty.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

a) Hoạt động môi giới chứng khoán

Trong năm 2025, hoạt động môi giới ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, được hỗ trợ bởi những bước tiến quan trọng về hạ tầng thị trường cùng với việc Công ty tiếp tục tập trung mở rộng tệp khách hàng và nâng cao năng lực số. Tháng 5/2025, hệ thống giao dịch KRX chính thức được đưa vào vận hành, góp phần nâng cao hiệu quả và tính ổn định của hoạt động giao dịch. Tiếp đó, vào tháng 10/2025, FTSE Russell đã công bố việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ Thị trường Cận biên lên Thị trường Mới nổi thứ cấp, dự kiến có hiệu lực từ tháng 9/2026, qua đó tiếp tục củng cố niềm tin của nhà đầu tư và hỗ trợ thanh khoản thị trường.

Trong năm, Công ty triển khai đồng bộ nhiều chương trình ưu đãi khách hàng như giảm phí môi giới, ưu đãi lãi suất giao dịch ký quỹ và các chương trình thúc đẩy giao dịch. Những giải pháp này góp phần gia tăng giá trị giao dịch, mở rộng tệp khách hàng và nâng cao mức độ gắn kết của nhà đầu tư.

Song song đó, Công ty đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số. Tháng 8/2025, nền tảng giao dịch Elite XPro chính thức ra mắt với giao diện hiện đại, tốc độ xử lý lệnh nhanh, hệ thống bảo mật đa lớp và tích hợp các công cụ phân tích nâng cao. Đến tháng 10/2025, Công ty tiếp tục triển khai tính năng cho phép nhà đầu tư giao dịch trực tiếp chứng chỉ quỹ mở trên ứng dụng di động, đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc xây dựng hệ sinh thái đầu tư số toàn diện.

b) Hoạt động tự doanh

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tích cực trong năm 2025, Công ty duy trì chiến lược đầu tư chủ động, tập trung vào các ngành có nền tảng lợi nhuận bền vững, động lực tăng trưởng mang tính cấu trúc và triển vọng đầu tư dài hạn hấp dẫn.

Công ty tiếp tục áp dụng phương pháp đầu tư kỷ luật, kết hợp phân tích cơ bản chuyên sâu với việc theo dõi chặt chẽ các chỉ báo kỹ thuật. Cách tiếp cận này giúp nhận diện kịp thời cơ hội thị trường, phân bổ danh mục hiệu quả và nâng cao khả năng thích ứng trước biến động, qua đó hỗ trợ duy trì hoạt động đầu tư ổn định và bền vững.

c) Hoạt động tư vấn và phân tích

Trong năm 2025, hoạt động Tư vấn tiếp tục tập trung củng cố các dịch vụ cốt lõi trên thị trường vốn, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ. Trên cơ sở năng lực chuyên môn nội bộ và định hướng phát triển kinh doanh chủ động, Công ty mở rộng tệp khách hàng và tăng cường sự hiện diện trên thị trường. Dịch vụ tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng và phát hành thêm cổ phiếu tiếp tục là trọng tâm, bên cạnh hoạt động tư vấn chuyển nhượng cổ phần và các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.

Song song với hoạt động tư vấn, Công ty duy trì năng lực nghiên cứu toàn diện nhằm hỗ trợ cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Các sản phẩm nghiên cứu bao gồm báo cáo thị trường hằng ngày, hằng tuần và hằng tháng, cùng các báo cáo phân tích chuyên sâu về cổ phiếu, ngành và xu hướng kinh tế vĩ mô. Tài liệu nghiên cứu được cung cấp bằng tiếng Trung, tiếng Anh và tiếng Việt, tạo điều kiện để nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận thông tin thị trường kịp thời và đáng tin cậy, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch của thị trường và hỗ trợ sự tham gia của nhà đầu tư quốc tế vào quá trình phát triển thị trường vốn Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH

Năm 2025, PHS đã thực hiện tái cấu trúc chiến lược mạng lưới hoạt động theo hướng tinh gọn, bao gồm việc chấm dứt hoạt động của một chi nhánh và một phòng giao dịch nhằm tối ưu hóa phân bổ nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chi phí. Sau quá trình tái cấu trúc, Công ty duy trì mạng lưới gồm một trụ sở chính và năm chi nhánh, tạo điều kiện tập trung nguồn lực hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả vận hành và củng cố nền tảng cho phát triển bền vững trong dài hạn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Phạm Thị Thu Nhân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2025, PHS có tổng số 274 nhân viên.

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật có liên quan và các chính sách nội bộ về quyền lợi và chế độ đối với người lao động. Các chính sách này bao gồm tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật lao động, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, bảo hiểm xã hội, chế độ ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động, cũng như công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và đào tạo nhân sự.

Đồng thời, Công ty chú trọng quản lý và sử dụng hiệu quả các quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm tạo động lực làm việc, nâng cao hiệu quả công việc và tăng cường sự gắn kết lâu dài của người lao động với Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.931.365.369.257	5.584.214.877.788	42,04%
Doanh thu thuần	506.649.713.996	675.696.469.927	33,37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	172.097.248	116.746.839.471	67.737,71%
Lợi nhuận khác	168.815.334	8.835.026	(94,77%)
Lợi nhuận trước thuế	340.912.582	116.755.674.497	34.147,98%
Lợi nhuận sau thuế	108.063.036	93.320.352.400	86.257,33%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	N/A

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,06	1,53
- Hệ số thanh toán nhanh		
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	2,06	1,53
Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,47	0,62
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,90	1,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho:		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,13	0,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0002	0,14
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,00007	0,04
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,00003	0,02
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0003	0,17

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Quy mô vốn		
- Vốn điều lệ	2.000.098.190.000	2.000.098.190.000
- Tổng tài sản có	3.931.365.369.257	5.584.214.877.788
- Tỷ lệ an toàn vốn	669%	570%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
- Doanh số huy động tiền gửi		
- Doanh số cho vay	40.982.013.855.026	53.754.547.817.905
- Doanh số thu nợ	41.059.136.903.737	52.509.567.595.618
- Nợ quá hạn	64.397.421.465	64.332.740.530
- Nợ khó đòi	55.845.877.290	55.813.748.364
Hệ số sử dụng vốn	3,2	3,2
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh		
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,02	0,02
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0,01	0,01
3. Khả năng thanh khoản		
- Khả năng thanh toán ngay Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,06	1,53
- Khả năng thanh toán chung Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả	2,06	1,53

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2025 là 200.009.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 150.009.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 50.000.000 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 3 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 368 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 14 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 357 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 346 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 25 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 25/06/2025, PHS chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 1%/ cổ phiếu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu. Trong năm 2025, PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2025, PHS không phát hành chứng khoán.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Do hoạt động trong lĩnh vực Tài chính – Chứng khoán và không trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, PHS có mức độ tác động đến môi trường ở phạm vi hạn chế, không phát sinh các vấn đề đáng kể liên quan đến sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, tiêu thụ năng lượng quy mô lớn hay khai thác tài nguyên nước cho mục đích sản xuất. Tuy nhiên, Công ty vẫn chủ động thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động môi trường trong hoạt động văn phòng, tăng cường sử dụng tài nguyên hiệu quả, thúc đẩy số hóa quy trình để giảm tiêu thụ giấy, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên và khuyến khích thực hành các giải pháp “xanh” trong công việc cũng như trong sinh hoạt hằng ngày.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động và thu nhập bình quân của người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2025

274 Người

Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương)

121.895.578.153 Đồng

(Một trăm hai mươi một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi ba đồng)

Thu nhập bình quân

32.847.097 Đồng/ người/ tháng

(Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm chín mươi bảy đồng)

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2024: **507.098.900** đồng.

Chi phí mua bảo hiểm sức khỏe bổ sung cho cấp quản lý trở lên và toàn thể người lao động có thời gian công tác từ 01 năm trở lên trong năm 2025: **593.458.463** đồng.

Chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2025: **3.591.000** đồng.

Chi phí tổ chức du lịch thường niên năm 2025: khoảng **3.000.000** đồng/người.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty triển khai hệ thống đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở khung năng lực, gắn với cơ chế đánh giá năng lực định kỳ và kế hoạch phát triển nghề nghiệp. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường khả năng thích ứng với yêu cầu công việc và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực bền vững trong dài hạn.

Trong năm 2025, tổng thời lượng đào tạo đạt khoảng 2.334 giờ, tương đương bình quân khoảng 8,5 giờ đào tạo/người/năm.

Công ty tiếp tục duy trì các chương trình đào tạo thường xuyên, tập trung vào việc phát triển năng lực cốt lõi và các kỹ năng đáp ứng yêu cầu trong tương lai, bao gồm:

- Đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và chương trình hội nhập dành cho nhân sự mới;
- Đào tạo về công nghệ, dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI);
- Các chương trình đào tạo kỹ năng kinh doanh và kỹ năng mềm;
- Hoạt động chia sẻ kiến thức nội bộ và đào tạo trực tuyến thông qua Hệ thống Quản lý Học tập (Learning Management System – LMS).

Nền tảng LMS được sử dụng để triển khai chương trình đào tạo, tổ chức đánh giá kiến thức định kỳ, theo dõi tiến độ học tập và quản lý dữ liệu đào tạo tập trung.

Thông qua các hoạt động này, Công ty từng bước xây dựng văn hóa học tập liên tục, nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự và hỗ trợ công tác kế thừa, phát triển nguồn nhân lực bền vững trong trung và dài hạn.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Xã hội bền vững được xây dựng trên nền tảng cam kết chung giữa doanh nghiệp và cộng đồng. Tại PHS, trách nhiệm này được thực hiện thông qua việc chủ động đóng góp cho các hoạt động phát triển cộng đồng bằng các chương trình hỗ trợ tài chính có trọng tâm, thúc đẩy sự tham gia của người lao động và triển khai các sáng kiến xã hội mang tính dài hạn. Thông qua việc định hướng nguồn lực vào các chương trình có ý nghĩa thiết thực, Công ty hướng tới tạo dựng các giá trị tích cực và bền vững cho xã hội.

Trong năm 2025, các hoạt động đóng góp và phát triển cộng đồng trọng yếu của Công ty bao gồm:

CSR – Chương trình Trung thu cho trẻ em: Hỗ trợ kinh phí và hiện vật với tổng giá trị 178 triệu đồng cho Làng trẻ em SOS Gò Vấp và Chùa Thiên Hương (tỉnh Hưng Yên), góp phần hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và cộng đồng địa phương.

ESG - Hoạt động gắn kết người lao động gắn với trách nhiệm xã hội: Lồng ghép tối thiểu một hoạt động cộng đồng hoặc bảo vệ môi trường vào mỗi chương trình tập thể do các khối phòng ban và chi nhánh tổ chức, bao gồm hoạt động thiện nguyện, thu gom rác thải và trồng cây xanh, qua đó nâng cao nhận thức về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội trong toàn Công ty.

Lawrence S. Ting Charity Walk – Tiếp tục tài trợ cho người lao động tham gia chương trình thiện nguyện thường niên, khẳng định cam kết lâu dài của Công ty đối với công tác an sinh xã hội.

Hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai – Thực hiện hỗ trợ tài chính kịp thời và bố trí chế độ nghỉ có hưởng lương đối với người lao động có gia đình chịu ảnh hưởng bởi thiên tai nghiêm trọng tại khu vực miền Trung.

Chương trình giáo dục và phát triển nguồn nhân lực – Triển khai các chương trình thực tập và đào tạo nghề nghiệp theo cấu trúc nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tiễn hoạt động của thị trường tài chính – chứng khoán, qua đó góp phần phát triển nguồn nhân lực cho ngành trong dài hạn.

Thông qua các hoạt động trên, Công ty tiếp tục củng cố cam kết về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, bảo đảm các đóng góp được thực hiện một cách bền vững, phù hợp với mục tiêu phát triển cộng đồng và lợi ích chung của xã hội.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCK: KHÔNG CÓ



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
Tình hình tài chính	36
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	38
Kế hoạch phát triển trong tương lai	39
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	42
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	42

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Năm 2025, PHS ghi nhận sự tăng trưởng tích cực trong hoạt động môi giới trong bối cảnh thị trường diễn biến thuận lợi. Doanh thu môi giới đạt gần 184 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2024; doanh thu từ cho vay ký quỹ đạt trên 337 tỷ đồng, tăng 21%. Chi phí lãi vay được quản lý theo nguyên tắc thận trọng, tăng 19% lên mức 152,9 tỷ đồng, qua đó góp phần cải thiện hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao chất lượng tăng trưởng.

Đối với hoạt động phái sinh, Công ty tiếp tục duy trì thị phần trong nhóm mười công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường. Quy mô khách hàng được mở rộng, với tổng giá trị tài sản tài chính của nhà đầu tư lưu ký

tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) thông qua Công ty đạt trên 10 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với thời điểm cuối năm 2024. Sự gia tăng này phản ánh hiệu quả của chiến lược phát triển khách hàng và mức độ tín nhiệm của nhà đầu tư đối với năng lực cung cấp dịch vụ của Công ty.

Ghi nhận những đóng góp đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trao tặng kỷ niệm chương đóng góp cho hoạt động của sở và thị trường chứng khoán trong giai đoạn 2000–2025, qua đó khẳng định vị thế và uy tín của Công ty trong hệ sinh thái thị trường.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2025, danh mục đầu tư tự doanh đạt mức sinh lời khoảng 8,5%. Kết quả này đạt được trên cơ sở triển khai chiến lược đầu tư thận trọng, tuân thủ kỷ luật quản trị rủi ro và định hướng phân bổ tài sản hợp lý.

Hoạt động tự doanh tiếp tục đóng góp vào kết quả kinh doanh chung, đồng thời bảo đảm cơ cấu danh mục phù hợp với khẩu vị rủi ro và mục tiêu ổn định trong trung và dài hạn.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Năm 2025 ghi nhận sự phục hồi của hoạt động IPO, phát hành và niêm yết sau giai đoạn trầm lắng của thị trường vốn. Việc hoàn thiện quy trình và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đã góp phần cải thiện môi trường hoạt động cho doanh nghiệp và đơn vị tư vấn.

Trên cơ sở đó, hoạt động tư vấn của Công ty đạt mức tăng trưởng về quy mô và doanh thu so với năm trước. Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng và phát hành thêm cổ phiếu chiếm khoảng 40% tổng doanh thu; tư vấn chuyển nhượng cổ phần chiếm khoảng 30%; phần còn lại đến từ các dịch vụ tư vấn khác.

Đồng thời, Công ty mở rộng hợp tác với các nhóm nhà đầu tư đến từ Đài Loan, Nhật Bản và một số thị trường quốc tế khác, qua đó đa dạng hóa nguồn khách hàng và nâng cao năng lực triển khai các giao dịch có yếu tố nước ngoài.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 5.584.214.877.788 đồng, tăng 1.652.849.508.531 đồng, tương đương 42% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn ghi nhận 5.270.896.578.783 đồng, chiếm 94,4% tổng tài sản (so với 97,9% tại đầu năm), trong khi tài sản dài hạn đạt 313.318.299.005 đồng, tương ứng 5,6% (so với 2,1% tại đầu năm). Nhìn chung, cơ cấu tài sản tiếp tục được duy trì ổn định, không có biến động đáng kể về tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

Hệ số sử dụng tài sản trong năm 2025 đạt 0,14, tăng nhẹ so với mức 0,13 của năm 2024. Tại thời điểm cuối năm, dư nợ xấu ở mức 55.813.748.364 đồng, tương đương khoảng 1% tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2025, tổng nợ phải trả của Công ty khoảng 3.443.797.647.541 đồng và không phát sinh các khoản phải trả quá hạn. Trong cơ cấu nợ, các khoản phải trả đối với tổ chức nước ngoài đạt 2.467.519.000.000 đồng, chiếm khoảng 72% tổng nợ phải trả, chủ yếu liên quan đến các khoản vay bằng ngoại tệ.

Biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến giá trị quy đổi của các khoản vay này cũng như chi phí lãi vay liên quan. Tuy nhiên, Công ty đã triển khai các biện pháp phòng ngừa rủi ro thông qua việc sử dụng các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ đối với các khoản vay bằng ngoại tệ. Nhờ đó, tác động của biến động tỷ giá đối với kết quả hoạt động kinh doanh được kiểm soát hiệu quả và duy trì trong phạm vi phù hợp.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1,49	1,73	1,63	2,06	1,53
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	66%	57%	60%	47%	62%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	197%	130%	151%	90%	161%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	15%	14%	16%	13%	14%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	28%	10%	7%	0%	14%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12%	4%	3%	0%	4%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	3%	2%	1%	0%	2%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	Đồng/CP	1,229	400	297	0,70	467

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của PHS qua các năm đều lớn hơn 1 cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không thay đổi nhiều qua các năm và thấp hơn so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.

Số dư các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024	12/31/2025
Cho vay	3.538.094	1.991.637	2.951.919	2.874.796	4.119.776
Ngắn hạn	3.538.094	1.991.637	2.951.919	2.874.796	4.119.776
Dài hạn	-	-	-	-	0
Tổng cộng	3.538.094	1.991.637	2.951.919	2.874.796	4.119.776

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

Số dư các khoản thuế phải nộp cho nhà nước như sau:

	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024	12/31/2025
Thuế giá trị gia tăng	4	20	16	0	1
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.986	3.876	3.876	-	5.030
Thuế thu nhập cá nhân	12.483	10.232	7.122	7.376	9.776
Thuế nhà thầu	28	1.126	968	780	2.900
Tổng cộng	18.501	15.255	11.982	8.157	17.707

Các khoản phải thu

	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024	12/31/2025
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	46.758	57.343	74.788	51.29	86.440
Trả trước cho người bán	1.701	1.700	7.108	1.175	1.060
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	160.061	9.824	3.964	3.774	28.033
Phải thu khác	13.103	13.006	12.787	13.809	12.985
Dự phòng các khoản phải thu	(6.315)	(7.453)	(6.894)	(8.311)	(8.279)
Tổng cộng	215.308	74.420	91.753	61.738	120.239

Các khoản phải trả

	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024	12/31/2025
Nợ phải trả ngắn hạn	3.160.455	2.076.800	2.426.615	1.862.167	3.441.493
Nợ phải trả dài hạn	1.792	1.980	2.131	2.101	2.305
Tổng cộng	3.162.247	2.078.780	2.428.746	1.864.268	3.443.798

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng
Chỉ tiêu	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023	12/31/2024	12/31/2025
Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.968	722	6.532	7.503	54.011
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	69.484	160.683	111.464	116.092	101.467
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
Tổng giá trị rủi ro	251.452	341.405	297.996	303.594	335.478
Vốn khả dụng	1.540.387	1.532.038	1.543.936	2.031.479	1.913.019
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	613%	449%	518%	669%	570%

Theo quy định tại thông tư Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. PHS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm 2025, BTGD tiếp tục tăng cường công tác quản trị điều hành tại PHS, coi đây là nền tảng trọng yếu nhằm bảo đảm tăng trưởng bền vững và ổn định dài hạn. Công ty duy trì định hướng nâng cao chất lượng quản lý, tăng cường tính liên kết trong vận hành và bảo đảm năng lực thích ứng trước những biến động của thị trường chứng khoán.
- BTGD tập trung nâng cao hiệu quả tổ chức, tăng cường kỷ luật nội bộ và củng cố văn hóa trách nhiệm gắn với hiệu quả thực thi. Các hệ thống quản lý và quy trình vận hành được rà soát, hoàn thiện thường xuyên nhằm bảo đảm tính minh bạch, nhất quán và phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và thông lệ quản trị công ty tốt. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các công cụ số trong hoạt động quản lý tiếp tục được đẩy mạnh, qua đó nâng cao năng lực giám sát, hỗ trợ quá trình ra quyết định kịp thời và tăng cường tính linh hoạt trong điều hành.
- Nhìn chung, các giải pháp được triển khai trong năm đã góp phần củng cố nền tảng quản trị, tăng cường tính ổn định trong hoạt động và tạo cơ sở vững chắc cho việc triển khai các định hướng chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và biến động nhanh, PHS theo đuổi chiến lược tăng trưởng bền vững trên cơ sở cân bằng giữa mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ và quản trị rủi ro thận trọng. Tầm nhìn chiến lược của Công ty tập trung vào việc củng cố nền tảng cốt lõi, đa dạng hóa nguồn thu và xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn nhằm tạo ra giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

CỦNG CỐ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI

Công ty tiếp tục tăng cường các hoạt động kinh doanh cốt lõi thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa quy trình vận hành và cải thiện hiệu quả tương tác với khách hàng. Định hướng trọng tâm là từng bước chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa trên khối lượng giao dịch sang mô hình lấy chất lượng dịch vụ và giá trị khách hàng dài hạn làm nền tảng.

Công ty hướng tới phát triển quan hệ khách hàng bền vững thông qua việc tăng cường năng lực tư vấn, cá nhân hóa dịch vụ và nâng cao trải nghiệm tổng thể của khách hàng. Các hoạt động quản trị quan hệ khách hàng sẽ được đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và phân tích nhằm nâng cao hiệu quả thu hút, duy trì và phát triển khách hàng.

ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM VÀ NGUỒN THU

Ưu tiên chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm và dịch vụ theo hướng đa dạng, linh hoạt và gia tăng giá trị. Công ty định hướng phát triển các giải pháp tài chính toàn diện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, từ các dịch vụ giao dịch truyền thống đến các sản phẩm đầu tư chuyên sâu và giải pháp quản lý tài sản.

Việc đa dạng hóa sản phẩm được triển khai trong khuôn khổ quản trị rủi ro thận trọng và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty, qua đó hướng tới xây dựng cơ cấu nguồn thu cân bằng và bền vững trong dài hạn.

THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH

Chuyển đổi số tiếp tục được xác định là chiến lược quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là xây dựng nền tảng công nghệ hiện đại, có khả năng mở rộng và linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai và nâng cao hiệu quả vận hành.

Hệ thống giao dịch, quản trị dữ liệu và hoạt động nội bộ sẽ được nâng cấp theo hướng tích hợp và tự động hóa. Đồng thời, việc ứng dụng phân tích dữ liệu sẽ được tăng cường nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định và cải thiện trải nghiệm khách hàng.



TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Công ty duy trì nền tảng tài chính vững mạnh thông qua quản lý vốn hiệu quả, kiểm soát chi phí chặt chẽ và tối ưu hóa việc sử dụng tài sản. Các chính sách tài chính được xây dựng theo nguyên tắc thận trọng và linh hoạt nhằm bảo đảm sự ổn định trong hoạt động.

Khung quản trị rủi ro tiếp tục được củng cố theo hướng chủ động và toàn diện, kết hợp giữa hệ thống kiểm soát nội bộ và các công cụ công nghệ nhằm nâng cao năng lực nhận diện, giám sát và giảm thiểu rủi ro.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Nguồn nhân lực được xác định là yếu tố then chốt đối với sự phát triển dài hạn của Công ty. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào đào tạo chuyên môn, phát triển năng lực lãnh đạo và xây dựng đội ngũ nhân sự có khả năng thích ứng cao.

Đồng thời, văn hóa doanh nghiệp được củng cố trên nền tảng tính chuyên nghiệp, minh bạch và hợp tác, góp phần xây dựng môi trường làm việc bền vững và gắn kết.

ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Công ty hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định, hiệu quả và bền vững, đồng thời duy trì sự cân đối giữa mở rộng hoạt động và quản trị rủi ro. Công ty tiếp tục cam kết tuân thủ các chuẩn mực quản trị cao và tạo lập giá trị dài hạn cho cổ đông cũng như các bên liên quan.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập của PHS và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Theo đó, báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo các chuẩn mực áp dụng và phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

Kết quả tiếp tục khẳng định mức độ minh bạch và độ tin cậy của thông tin tài chính do Công ty công bố, đồng thời góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, các bên liên quan và cơ quan quản lý.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, với đặc thù kinh doanh chủ yếu diễn ra trong môi trường văn phòng và không phát sinh hoạt động sản xuất. Do đó, mức độ tác động trực tiếp đến môi trường của Công ty ở mức thấp.

Trong năm 2025, các hoạt động được triển khai phù hợp với các quy định pháp luật về môi trường có liên quan. Không phát sinh rủi ro hoặc sự cố môi trường trọng yếu. Các chỉ tiêu môi trường duy trì ổn định và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty có tổng số 274 người lao động. Tổng chi phí tiền lương đạt khoảng 121,9 tỷ đồng, với thu nhập bình quân khoảng 32,8 triệu đồng/người/tháng, phản ánh điều kiện việc làm ổn định và chính sách đãi ngộ cạnh tranh.

Các chương trình phúc lợi được triển khai theo quy định nội bộ của Công ty, bao gồm khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe bổ sung, bảo hiểm tai nạn và các hoạt động gắn kết người lao động. Quan hệ lao động duy trì ổn định; quyền và lợi ích của người lao động được bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình hỗ trợ cộng đồng, đóng góp từ thiện, hoạt động thiện nguyện của người lao động và các sáng kiến hỗ trợ giáo dục. Các hoạt động này được thực hiện thường xuyên, phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty.

Các chương trình trách nhiệm xã hội đã góp phần hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, thúc đẩy phúc lợi xã hội và củng cố vai trò của Công ty với tư cách là một doanh nghiệp có trách nhiệm đối với cộng đồng.



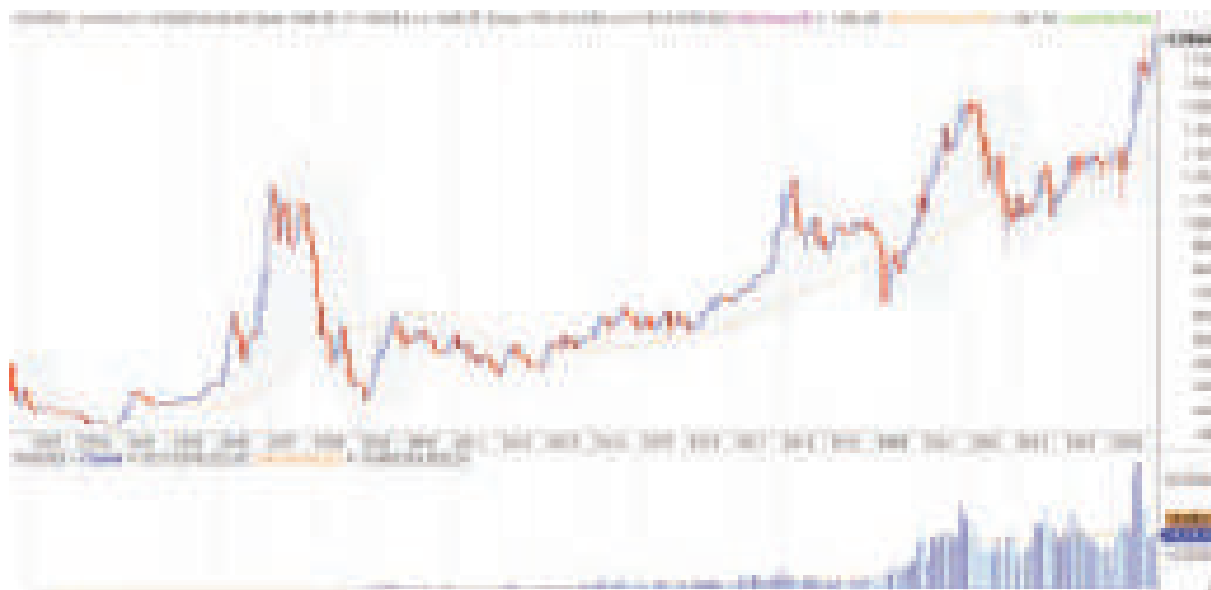
04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	46
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty	49
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	49

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025



Kinh tế thế giới đã trải qua năm 2025 đầy biến động khi các chính sách thuế quan của chính quyền Donald Trump chính thức được triển khai, tạo ra những xáo trộn đáng kể trong chuỗi cung ứng toàn cầu và thương mại quốc tế. Song song đó, rủi ro địa chính trị tiếp tục leo thang khi xung đột giữa Nga – Ukraine chưa có hồi kết rõ ràng, giao tranh tại Trung Đông vẫn tiềm ẩn nguy cơ lan rộng. Các diễn biến chính trị tại nhiều khu vực khác cũng thu hút sự chú ý, từ căng thẳng giữa Mỹ và Venezuela, tranh chấp tại Greenland, những bất ổn nội tại tại Pháp và Đức, cho tới các vấn đề an ninh tại Đông Á và xung đột khu vực giữa Thái Lan – Campuchia. Chuỗi biến số chính trị dồn dập này không chỉ làm gia tăng rủi ro địa chính trị toàn cầu mà còn khiến tâm lý nhà đầu tư quốc tế trở nên thận trọng hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, trong bối cảnh bất định đó, việc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) cùng nhiều ngân hàng

trung ương lớn vẫn duy trì lộ trình nới lỏng tiền tệ đã tạo ra một “vùng đệm” quan trọng cho tiêu dùng và hoạt động kinh tế toàn cầu. Nhờ đó, Việt Nam tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng ấn tượng, thiết lập kỷ lục kim ngạch xuất nhập khẩu vượt 930 tỷ USD – mức cao nhất từ trước tới nay. Tăng trưởng GDP cả năm đạt 8,02%, là mức cao nhất trong vòng 15 năm nếu loại trừ giai đoạn phục hồi nền thấp hậu Covid-19 năm 2022. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, bình quân năm ở mức 3,31%, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng mục tiêu 4–4,5%. Điều này đã góp phần tạo dư địa quan trọng để Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ nền kinh tế trong năm 2025.

Thách thức lớn nhất trong năm qua tiếp tục đến từ sự biến động mạnh của tỷ giá. Trên thị trường quốc tế, dù đồng USD suy yếu khoảng 9,4%, đồng VND vẫn mất giá khoảng 3,2%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ

nhu cầu USD trong nước tăng cao trong khi dòng vốn ngoại chưa thực sự bứt phá, xu hướng găm giữ ngoại tệ của doanh nghiệp vẫn hiện hữu,... Về lãi suất, mặt bằng lãi suất VND vẫn duy trì thấp trong nửa đầu năm nhằm hỗ trợ tăng trưởng, song bắt đầu nhích lên nhẹ về cuối năm khi chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động ngày càng mở rộng. Tuy vậy, tính bình quân cả năm 2025, lãi suất vẫn ở mức thấp là yếu tố góp phần ổn định chi phí vốn cho doanh nghiệp.

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Việt Nam với cuộc "cách mạng tinh gọn" bộ máy theo chiến lược "Tinh - Gọn - Mạnh". Trọng tâm của cuộc cải cách là việc sáp nhập 63 tỉnh, thành phố xuống còn 34 đơn vị hành chính, chính thức có hiệu lực từ tháng 6/2025. Đây không chỉ là giải pháp giảm gánh nặng ngân sách, hiện đại hóa đất nước mà còn là sự thay đổi tư duy cốt lõi từ "kinh tế tỉnh" manh mún sang "kinh tế vùng" quy mô lớn, tạo không gian phát triển đột phá cho kỷ nguyên mới. Song hành với đó, Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã trở thành "xương sống" thúc đẩy khu vực này thành động lực tăng trưởng chính trong kỷ nguyên mới. Sự kết hợp giữa bộ máy quản trị hiện đại và nguồn lực tư nhân mạnh mẽ dự kiến sẽ tạo nên một nền tảng vững chắc, đưa đất nước vững vàng bước vào hành trình hội nhập và phát triển bền vững.

Về đối ngoại, Việt Nam tiếp tục mở rộng và nâng tầm quan hệ khi thiết lập Đối tác chiến lược toàn diện với New Zealand, Indonesia, Singapore, Thái Lan và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland, nâng tổng số đối tác chiến lược toàn diện lên 14 quốc gia. Điều này không chỉ củng cố vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam mà còn mở rộng dư địa hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đà tăng trưởng ấn tượng của kinh tế Việt Nam cũng được phản ánh rõ nét vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Tính chung cả năm 2025, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp niêm yết ước tính tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn đáng kể mức tăng 22% của năm 2024 và giảm gần 6% của năm 2023, cho thấy đà phục hồi lợi nhuận tiếp tục được củng cố. Trái lại, áp lực tỷ giá cùng với

xu hướng dịch chuyển dòng vốn, đặc biệt vàng nổi lên như tài sản thay thế có hiệu suất vượt bậc đã gây áp lực bán ròng trên thị trường Việt Nam. Dòng vốn ngoại chứng kiến đợt rút vốn kỷ lục với hơn 135 nghìn tỷ đồng trong năm 2025, cao hơn đến 46% lượng bán ròng năm 2024. Mặc dù vậy, có thể thấy thị trường chứng khoán vẫn trụ vững nhờ sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư trong nước. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trong nước năm 2025 đạt 11,8 triệu, tăng 27,8% so với năm 2024 và tương đương khoảng 11,5% dân số - vượt mức mục tiêu 10% đến năm 2030 của Chính phủ.

Bước sang năm 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang đến nhiều cơ hội bứt phá nhờ các yếu tố vĩ mô ổn định cùng những cải cách chiến lược. Động lực chính cho sự tăng trưởng này là các quyết sách trọng yếu, đi kèm mục tiêu tăng trưởng GDP tham vọng 10%. Bên cạnh đó, câu chuyện nâng hạng không còn là kỳ vọng mà sẽ sớm đi vào thực tiễn, là yếu tố quan trọng thu hút dòng vốn ngoại. Việc triển khai các sản phẩm giao dịch mới như giao dịch T0, sản phẩm phái sinh mới... sẽ đồng thời giúp tăng cường thanh khoản thị trường. Tuy nhiên, thị trường cũng sẽ đối mặt với những thách thức như dư nợ margin toàn thị trường vẫn ở mức cao, căng thẳng địa chính trị vẫn còn tiếp diễn, biến động kinh tế toàn cầu, các chính sách khó lường của Mỹ dưới thời Tổng thống Trump,... Theo ước tính của PHS, trong kịch bản cơ sở, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể tăng trưởng 16%YoY với P/E dự phóng chỉ khoảng 12,5 lần, là mức định giá khá hấp dẫn.

Về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ bước vào một chu kỳ tăng trưởng bền vững nhờ động lực chính từ nội tại kinh tế, cũng như viết tiếp câu chuyện sau nâng hạng. Chính phủ đã và đang nỗ lực đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế có thu nhập cao trong thập kỷ tới, đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm cải cách thị trường chứng khoán, hướng đến đáp ứng các tiêu chí nâng hạng của MSCI vào năm 2030, cũng như phấn đấu đưa quy mô vốn hóa thị trường ít nhất đạt 100% GDP trong năm 2026.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Căn cứ kết quả hoạt động năm 2025, PHS ghi nhận hiệu quả vận hành được nâng cao so với năm trước, thể hiện qua quy mô tài sản gia tăng, cơ cấu tài chính duy trì ổn định, tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp và việc quản lý rủi ro tỷ giá được thực hiện hiệu quả.

Các kết quả này phản ánh sự phục hồi của điều kiện thị trường, đồng thời cho thấy hoạt động của Công ty trong năm được triển khai theo nguyên tắc thận trọng và phù hợp với bối cảnh kinh doanh thực tế.

NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2026

Năm 2026, PHS sẽ hoạt động trong bối cảnh thị trường vốn ngày càng hoàn thiện về cấu trúc, gia tăng mức độ ứng dụng công nghệ và đặt ra yêu cầu cao hơn đối với chuẩn mực quản trị và vận hành. Quá trình hiện đại hóa thị trường tiếp tục nâng cao yêu cầu về kỷ luật vận hành, năng lực dữ liệu và mức độ sẵn sàng của hệ thống đối với các công ty chứng khoán.

Trong bối cảnh đó, định hướng chiến lược của Công ty tập trung vào việc củng cố năng lực nội tại thông qua nâng cao hiệu quả vận hành, tăng cường ứng dụng phân tích dữ liệu và tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng công nghệ. Trọng tâm được đặt vào việc thúc đẩy tự động hóa và chuẩn hóa quy trình, nâng cao năng lực khai thác dữ liệu nhằm hiểu rõ hơn hành vi khách hàng và xu hướng thị trường, đồng thời duy trì hệ thống công nghệ có tính ổn định, an toàn và khả năng mở rộng.

Các ưu tiên này tạo nền tảng quan trọng giúp Công ty thích ứng với sự phát triển của thị trường và duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đóng góp cho thị trường chứng khoán

Trong năm 2025, PHS tiếp tục đóng góp vào sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam thông qua các hoạt động kinh doanh cốt lõi và sự tham gia tích cực vào các hoạt động của ngành. Công ty duy trì phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý, các sở giao dịch chứng khoán và các tổ chức tài chính nhằm thúc đẩy trao đổi thông tin và hỗ trợ triển khai các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới.

Những hoạt động này góp phần nâng cao tính minh bạch của thị trường, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của nhà đầu tư và hỗ trợ sự phát triển ổn định, bền vững của thị trường chứng khoán.

Phát triển nguồn nhân lực trẻ và trách nhiệm cộng đồng

Trong năm, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực trẻ và đóng góp cho cộng đồng. Các chương trình đào tạo, thực tập và định hướng nghề nghiệp được tổ chức dành cho sinh viên đại học nhằm tăng cường kiến thức thực tiễn và hỗ trợ quá trình gia nhập lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

Các hoạt động này góp phần thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực cho thị trường vốn, đồng thời thể hiện cam kết nhất quán của Công ty đối với trách nhiệm xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ theo Điều lệ và các quy chế nội bộ của PHS, HĐQT đã phân cấp, ủy quyền cho BTGD thực hiện quản lý hoạt động thường nhật và triển khai các quyết định chiến lược phù hợp với kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt.

Trên cơ sở các báo cáo định kỳ về kết quả kinh doanh, cập nhật tình hình hoạt động và các báo cáo đột xuất khi cần thiết, HĐQT đã thực hiện giám sát

và đánh giá việc điều hành của BTGD, xác nhận rằng các hoạt động được triển khai phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

BTGD đã thực hiện chức trách với tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và sự thận trọng cần thiết, góp phần duy trì hoạt động ổn định và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu năm 2026, PHS tập trung triển khai các giải pháp lấy khách hàng làm trọng tâm và theo từng phân khúc, nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững thông qua nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới và phát triển sản phẩm, trên cơ sở tăng cường hiệu quả vận hành, năng lực dữ liệu và mức độ tích hợp công nghệ.

Cụ thể:

Giải pháp lấy khách hàng làm trọng tâm: Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua việc chuẩn hóa và tinh giản quy trình mở tài khoản, triển khai các công cụ quản lý danh mục đầu tư tiên tiến và cung cấp dịch vụ tư vấn được cá nhân hóa, bảo đảm phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

Nâng cao hiệu quả vận hành thông qua tự động hóa: Triển khai tự động hóa quy trình nhằm giảm thiểu xử lý thủ công, tăng cường cơ chế kiểm soát và xây dựng nền tảng vận hành có khả năng mở rộng.

Tăng cường năng lực phân tích và gắn kết khách hàng: Ứng dụng phân tích dữ liệu nhằm nâng cao mức độ hiểu biết về hành vi khách hàng, qua đó cung cấp dịch vụ đầu tư kịp thời, chính xác và chủ động.

Đổi mới sản phẩm theo hướng phù hợp thị trường: Phát triển các sản phẩm dựa trên dữ liệu, bảo đảm phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư và diễn biến thị trường.

Củng cố hạ tầng công nghệ: Nâng cấp hệ thống lõi và xây dựng nền tảng số và dữ liệu có tính ổn định, an toàn và khả năng mở rộng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng dài hạn của PHS.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	52
Ban kiểm soát	57
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	59

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng	Thành viên HĐQT Công ty Phu Hung Far East Holding Corporation Thành viên HĐQT Công ty New Beam International Inc Chủ tịch HĐQT Công ty Freshfields Capital Corporation Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
2.	Ông Nguyen Doan Hung	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	0%
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Vũ Thái Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên		0%
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập (đến ngày 17/04/2025)		0%
6.	Bà Lin, Hsiu Chu	Thành viên độc lập (từ ngày 17/04/2025)		0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KHÔNG CÓ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, HĐQT của PHS đã thực hiện đầy đủ các quyền hạn và nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và gia tăng thị phần môi giới của Công ty. HĐQT đã phân cấp cho BTGD quản lý hoạt động thường nhật, đồng thời duy trì cơ chế giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo kết quả kinh doanh định kỳ, cập nhật tình hình vận hành và các báo cáo chuyên đề nhằm bảo đảm việc điều hành tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Trong năm, HĐQT đã phê duyệt các nội dung trọng yếu, bao gồm ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2024, mức thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025, cũng như

việc sửa đổi Chính sách Quản trị Rủi ro nhằm tăng cường khung quản trị của Công ty. Việc thành lập Hội đồng Quản lý Rủi ro và củng cố năng lực kiểm soát nội bộ tiếp tục hỗ trợ HĐQT trong công tác giám sát tuân thủ và theo dõi rủi ro trong hoạt động thường xuyên.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp với sự tham dự đầy đủ của tất cả các thành viên, thể hiện mức độ cam kết và trách nhiệm cao trong thực thi nhiệm vụ. HĐQT đã thực hiện chức trách với sự thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính, đồng thời cung cấp định hướng chiến lược và giám sát hiệu quả, góp phần bảo đảm tăng trưởng bền vững dài hạn và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	23/01/2025	01/91_0125/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/12/2024; 2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/2024; 3. Thông qua điều kiện cung cấp chứng quyền có bảo đảm phát hành năm 2025; 4. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại Yuanta – chi nhánh Offshore; 5. Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2.	27/02/2025	01/92_0225/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Quốc tế Taishin.
3.	24/03/2025	01/93_0325/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thông qua chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 (đại hội) Ngày 17/04/2025; 2. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024; 3. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024; 4. Thông qua báo cáo quản trị công ty năm 2024; 5. Thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn cho nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 29/11/2024; 6. Thông qua báo cáo về việc cập nhật Điều lệ ghi nhận điều chỉnh vốn điều lệ mới; 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị để xác định thời điểm và tiến hành thủ tục trả cổ tức cho cổ đông; 8. Thông qua kế hoạch phát triển và kinh doanh của công ty trong năm 2025; 9. Thông qua dự toán ngân sách trong năm 2025;

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
			<p>10. Thông qua việc giới thiệu ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2028);</p> <p>11. Thông qua việc tái bổ nhiệm ông Chen Chia Ken làm Tổng Giám đốc công ty nhiệm kỳ 2025 – 2028;</p> <p>12. Thông qua giấy ủy quyền cho ông Chen Chia Ken – thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa đại hội và ký những văn bản liên quan đến đại hội ngày 17/04/2025;</p> <p>13. Thông qua báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2024;</p> <p>14. Thông qua giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với khách hàng.</p>
4.	22/04/2025	01/94_0425/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua việc bầu ông Albert Kwang – Chin Ting trở thành Chủ tịch HĐQT của công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2028);</p> <p>2. Thông qua việc tái bổ nhiệm bà Phạm Thị Thu Nhân trở thành Phó Tổng Giám Đốc của công ty (nhiệm kỳ 2025 – 2028);</p> <p>3. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm lần đầu;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;</p> <p>5. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng First Commercial Bank, chi nhánh Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và cấp mới hạn mức rủi ro thanh toán/ rủi ro trước thanh toán với ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng;</p> <p>7. Thông qua việc đóng cửa phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng.</p>
5.	30/05/2025	01/95_0525/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025;</p> <p>2. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024;</p> <p>3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Cathay United – OBU;</p> <p>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Chang Hwa – chi nhánh HSI-Sung;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng thương mại TNHH E.Sun – chi nhánh Đồng Nai;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại TNHH E.Sun – chi nhánh Offshore;</p> <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng thương mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại Taipei Fubon – chi nhánh Offshore;</p> <p>10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
6.	26/06/2025	01/96_0625/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức rủi ro trước thanh toán với ngân hàng TNHH CTBC – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng TNHH CTBC; 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng First Commercial Bank; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 6. Thông qua việc tăng và gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng KGI; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại Quốc tế Mega – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại Quốc tế Mega; 9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai; 10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong; 11. Thông qua hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong.
7.	18/9/2025	01/97_0725/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua quy trình quản lý rủi ro; 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng thương mại Entie – chi nhánh Offshore; 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng và hạn mức thấu chi với ngân hàng TMCP Phương Đông; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng Union Bank of Taiwan.
8.	07/10/2025	01/98_0825/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và các thủ tục liên quan với bà Bạch Thị Phương Thảo - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ; 2. Thông qua việc bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm toán nội bộ.
9.	17/11/2025	01/99_0925/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Hợp tác Đài Loan – Chi nhánh Offshore; 2. Thông qua việc tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United – OBU.
10.	23/12/2025	01/100_1025/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026; 2. Thông qua ngân sách của công ty năm 2026; 3. Thông qua chính sách quản lý rủi ro năm 2026; 4. Thông qua điều chỉnh và bổ sung quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền; 5. Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với ngân hàng SinoPac – OBU; 7. Thông qua điều kiện hủy niêm yết một phần đối với chứng quyền có bảo đảm trong năm 2026; 8. Thông qua điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm phát hành trong năm 2026.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT của PHS đã thực hiện đầy đủ vai trò theo yêu cầu của các nguyên tắc quản trị công ty. Thành viên độc lập đã tham gia tích cực vào các cuộc họp của HĐQT, đưa ra các ý kiến độc lập, khách quan đối với các quyết định quan trọng, qua đó góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quản trị của Công ty.

Phối hợp với Ban Kiểm soát, Thành viên độc lập cũng thực hiện giám sát đối với hoạt động của HĐQT và BTGD, đặc biệt trong các lĩnh vực tuân thủ, giám sát rủi ro và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, bao gồm cổ đông thiểu số.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch	Có	Có
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	Có	Có
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Không	Có
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Có	Có
5.	Bà Lin, Hsiu Chu	Thành viên độc lập	Không	Có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Liew, Sep Siang	Trưởng Ban kiểm soát	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
2.	Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên		0%
3.	Bà Wang, Gwan-Fang	Thành viên	Giám đốc Công Ty TNHH Truyền Thông Thế Sáng Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Nhấn hiệu Việt	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát của PHS đã thực hiện trách nhiệm với tính khách quan, độc lập và thận trọng theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát đã giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, theo dõi việc tuân thủ các quy định pháp lý và yêu cầu quản lý, đồng thời rà soát tính trung thực và phù hợp trong hoạt động quản lý và vận hành trên toàn Công ty.

Ban Kiểm soát cũng thực hiện giám sát định kỳ đối với HĐQT và BTGD, tập trung vào công tác quản lý rủi ro, giám sát tài chính và việc tuân thủ các chuẩn mực quản trị công ty, qua đó góp phần tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông. Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp theo đúng yêu cầu quy định, được ghi nhận đầy đủ trong các biên bản họp tương ứng.

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	24/03/2025	01/23_0125/BB-BKS	1. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025 trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 3. Thông qua quy trình kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát.
2.	23/04/2025	01/24_0225/BB-BKS	1. Thông qua việc bầu ông Liew Sep Siang trở thành Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty (Nhiệm kỳ 2025-2028).
3.	31/12/2025	01/25_0325/BB-BKS	1. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025; 2. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho quý kết thúc ngày 30/09/2025; 3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính ngày 30/06/2025; 4. Báo cáo kế hoạch kinh doanh 2026.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát của PHS được hưởng thù lao theo các chính sách đã được Công ty phê duyệt. Trong năm 2025, tổng thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1.920.000.000 đồng.

Các thành viên BTGD, bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, được chi trả tiền lương và tiền thưởng phù hợp với chính sách tiền lương, đãi ngộ của Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2025, Cổ đông nội bộ không phát sinh giao dịch.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2025, PHS không có hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ các yêu cầu về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Công ty đã rà soát và sửa đổi Điều lệ, trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 17/04/2025 xem xét và thông qua.

Đồng thời, Công ty tiếp tục cập nhật các quy chế nội bộ và phổ biến các quy định pháp lý mới, bao gồm các quy định theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, nhằm bảo đảm duy trì việc tuân thủ, tăng cường tính minh bạch và củng cố các thực hành quản trị công ty theo thông lệ tốt.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

66

Báo cáo tài chính được kiểm toán

68





Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
 và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022
102/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 12 năm 2024

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy
 Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần,
 và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
 số 0313642887 ngày 21 tháng 3 năm 2025 do Phòng Đăng ký Kinh
 doanh của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting
 Ông Nguyễn Đoan Hùng
 Ông Wu, Jin-Jeng
 Ông Chen Chia Ken
 Bà Lin, Hsiu-Chu
 Bà Liu, Hsiu-Mei

Chủ tịch
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên
 Thành viên độc lập
 (từ ngày 17 tháng 4 năm 2025)
 Thành viên độc lập
 (đến ngày 17 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang
 Ông Chiu, Hsien-Chih
 Bà Wang, Gwan Fang

Trưởng ban
 Thành viên
 Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken
 Bà Phạm Thị Thu Nhân

Tổng Giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Bến Thành
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Yên Hòa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG, một chi nhánh của Công ty TNHH KPMG, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00437-26-1



Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		5.270.896.578.783	3.848.310.376.508
I Tài sản tài chính	110		5.258.082.897.864	3.840.828.798.363
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	317.980.705.392	181.971.791.321
1.1 Tiền	111.1		72.550.682.358	38.430.103.044
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		245.430.023.034	143.541.688.277
2 Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	195.121.674.698	73.857.466.068
3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	552.500.000.000	696.000.000.000
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	4.119.776.448.820	2.874.796.226.533
6 Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC	116	11(a)	(47.534.983.549)	(47.534.983.549)
7 Các khoản phải thu	117	8	86.440.418.793	51.291.372.400
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	117.2		86.440.418.793	51.291.372.400
8 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		1.059.710.460	1.175.067.215
9 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	9	28.033.051.679	3.773.839.584
12 Các khoản phải thu khác	122	10	12.984.636.386	13.808.912.532
13 Dự phòng phải thu khó đòi	129	11(b)	(8.278.764.815)	(8.310.893.741)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		12.813.680.919	7.481.578.145
1 Tạm ứng	131		55.000.000	246.977.600
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	3.758.779.919	5.174.553.497
6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	22	-	2.060.047.048
7 Tài sản ngắn hạn khác	137	13	8.999.901.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		313.318.299.005	83.054.992.749
I	Tài sản tài chính dài hạn	210		250.000.000.000	-
2	Các khoản đầu tư	212		250.000.000.000	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	250.000.000.000	-
II	Tài sản cố định	220		18.388.546.565	28.747.496.335
1	Tài sản cố định hữu hình	221	14	6.440.334.654	11.974.883.600
	Nguyên giá	222		46.785.200.055	51.812.143.364
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(40.344.865.401)	(39.837.259.764)
3	Tài sản cố định vô hình	227	15	11.948.211.911	16.772.612.735
	Nguyên giá	228		37.144.216.400	36.879.716.400
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(25.196.004.489)	(20.107.103.665)
V	Tài sản dài hạn khác	250		44.929.752.440	54.307.496.414
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	16	4.622.592.556	5.470.397.057
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	3.291.999.354	10.152.079.973
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	17	6.915.420.854	9.141.330.600
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	18	20.000.000.000	19.464.116.068
5	Tài sản dài hạn khác	255	19	10.099.739.676	10.079.572.716
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.584.214.877.788	3.931.365.369.257

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		3.443.797.647.541	1.864.267.558.510
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.441.493.060.874	1.862.166.673.210
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		2.871.519.000.000	1.433.388.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312	20	2.871.519.000.000	1.433.388.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	514.054.779.270	399.765.881.440
8	Phải trả người bán	320		61.171.382	713.921.382
9	Người mua trả tiền trước	321		50.000.000	50.000.000
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	17.707.277.161	8.156.539.434
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		373.518.753	373.470.775
13	Chi phí phải trả	325	23	33.756.354.711	17.565.079.800
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		21.346.529	43.164.711
17	Các khoản phải trả khác	329	24	3.949.613.068	2.110.615.668
II	Nợ phải trả dài hạn	340		2.304.586.667	2.100.885.300
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		2.304.586.667	2.100.885.300
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.140.417.230.247	2.067.097.810.747
I	Vốn chủ sở hữu	410		2.140.417.230.247	2.067.097.810.747
1	Vốn cổ phần	411	25	2.000.097.005.000	2.000.097.005.000
1.1	Vốn cổ phần	411.1		2.000.098.190.000	2.000.098.190.000
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		(1.185.000)	(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.064.998.139	12.064.998.139
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		128.255.227.108	54.935.807.608
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		107.545.300.381	47.619.965.451
7.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		20.709.926.727	7.315.842.157
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		5.584.214.877.788	3.931.365.369.257

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
A. TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	200.009.329	200.009.329
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty	008	283.156.800.000	2.821.330.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009	-	2.420.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	2.588.000.000	150.000.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	68.000.000	78.000.000
14	Chứng quyền có bảo đảm phát hành bởi Công ty (số lượng)	014	69.739.900	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	021	10.092.973.790.600	8.289.906.820.000
a	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	9.748.536.890.600	7.648.665.380.000
b	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2	2.781.130.000	26.658.870.000
c	TSTC giao dịch cầm cố	021.3	112.492.040.000	157.099.480.000
d	TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4	144.308.600.000	312.000.690.000
e	TSTC chờ thanh toán	021.5	84.855.130.000	145.482.400.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	310.260.600.000	108.452.100.000
a	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	39.670.600.000	77.330.120.000
b	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	270.590.000.000	31.121.980.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư	023	140.097.790.000	212.048.640.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	64.323.660.000	77.932.300.000
7	Tiền gửi của nhà đầu tư	026	698.800.681.634	710.651.908.994
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	341.263.173.146	296.077.799.776
7.2	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	027.1	357.537.508.488	414.574.109.218

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	341.263.173.146	296.077.799.776
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	337.175.798.186	291.266.423.224
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	4.087.374.960	4.811.376.552

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01		36.590.626.984	12.554.313.374
a Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.1	27	22.012.955.356	5.634.885.838
b Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.2		10.944.643.057	6.346.806.416
c Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.3		956.957.000	572.621.120
d Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4		2.676.071.571	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	28	52.139.131.432	37.337.733.669
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	29	337.226.473.032	278.533.424.347
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06		183.904.618.031	145.494.281.929
1.9 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		4.906.960.360	7.449.393.838
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn	10		236.363.637	32.727.273
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		4.243.533.082	1.766.199.337
Tổng doanh thu hoạt động	20		619.247.706.558	483.168.073.767
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		23.760.036.054	2.162.643.449
a Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.1	27	21.925.405.996	2.562.252.216
b Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.2		1.377.314.948	(210.340.556)
d Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4		457.315.110	(189.268.211)
2.4 Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	24	11(a)	-	17.999.697.389
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		6.353.874.340	4.443.480.016
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27	30	187.993.770.623	166.777.549.418
2.10 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		5.531.834.453	7.907.728.846
2.11 Chi phí nghiệp vụ tư vấn	31		1.554.976.519	1.147.155.396
2.12 Chi phí khác	32	11(b)	(32.128.926)	1.417.202.422
Tổng chi phí hoạt động	40		225.162.363.063	201.855.456.936

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
III		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	54.715.971.660	21.654.954.153
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	1.732.791.709	1.826.686.076
		Tổng doanh thu hoạt động tài chính	56.448.763.369	23.481.640.229
IV		CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	72.777.991.367	69.136.122.795
4.2		Chi phí lãi vay	152.969.509.706	128.806.052.741
		Tổng chi phí tài chính	225.747.501.073	197.942.175.536
VI		CHI PHÍ QUẢN LÝ	108.039.766.320	106.679.984.276
VII		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	116.746.839.471	172.097.248
VIII		THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		
8.1		Thu nhập khác	336.415.408	308.753.709
8.2		Chi phí khác	327.580.382	139.938.375
		Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	8.835.026	168.815.334
IX		TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	116.755.674.497	340.912.582
9.1		Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	103.361.589.927	(12.147.502.601)
9.2		Lợi nhuận chưa thực hiện	13.394.084.570	12.488.415.183

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		23.435.322.097	232.849.546
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	33	21.209.412.351	2.783.054.935
10.2	Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	33	2.225.909.746	(2.550.205.389)
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		93.320.352.400	108.063.036
XII	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII	THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	34	467	0,7

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	116.755.674.497	340.912.582
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	80.854.497.852	102.130.274.525
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	03	10.551.028.955	10.368.660.174
Các khoản dự phòng	04	171.572.441	18.370.501.769
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(1.608.000.000)	(5.742.000.000)
Chi phí lãi	06	152.969.509.706	128.806.052.741
Lỗ từ hoạt động đầu tư	07	32.203.598	-
Dự thu tiền lãi	08	(81.261.816.848)	(49.672.940.159)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	1.834.630.058	(399.608.767)
Lỗ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	1.834.630.058	(399.608.767)
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(13.620.714.628)	(6.346.806.416)
Lãi đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(13.620.714.628)	(6.346.806.416)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	185.824.087.779	95.724.771.924
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(111.696.880.521)	23.334.163.577
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(106.500.000.000)	(41.786.761.644)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33	(1.244.980.222.287)	77.123.048.711
Giảm lãi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	36	46.112.770.455	73.169.648.808
(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(24.259.212.095)	190.236.447
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	824.276.146	(1.022.398.392)
Tăng các tài sản khác	40	(6.456.122.743)	(4.497.074.345)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả	41	11.558.615.045	(3.361.266.594)
Giảm chi phí trả trước	42	8.275.854.197	7.458.459.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(14.119.382.483)	(8.719.340.658)
Tiền lãi đã trả	44	(148.336.849.840)	(131.191.502.451)
(Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	(537.393.245)	6.580.617.777
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	47.978	717.002
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.460.707.859	2.110.526.195
Tăng các khoản phải trả khác	50	116.489.573.109	1.045.813.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(1.285.340.130.646)	96.159.659.037

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(301.883.000)	(15.370.842.000)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định	62	77.600.217	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(224.282.783)	(15.370.842.000)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	-	500.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	19.729.575.000.000	7.890.447.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(18.289.836.000.000)	(8.441.357.000.000)
Cổ tức trả cho các cổ đông	76	(18.165.672.500)	(44.731.334.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.421.573.327.500	(95.641.334.580)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	136.008.914.071	(14.852.517.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	181.971.791.321	196.824.308.864
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	317.980.705.392	181.971.791.321
▪ Tiền	103.1	72.550.682.358	38.430.103.044
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	245.430.023.034	143.541.688.277

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2025 VND	2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu từ bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	49.741.671.512.665	38.621.844.527.649
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(50.951.397.254.324)	(37.876.401.068.039)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	65.814.943.174.872	52.277.945.297.503
Nhận tiền ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	07.1	(57.036.600.730)	76.158.857.302
Tiền chi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(64.557.859.117.334)	(53.149.757.972.769)
Tiền chi thanh toán phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(2.172.942.509)	(2.709.260.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(11.851.227.360)	(52.919.618.695)
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng đầu năm	30	710.651.908.994	763.571.527.689
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	710.651.908.994	763.571.527.689
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	710.651.908.994	763.571.527.689
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		414.574.109.218	338.415.251.916
Tiền và các khoản tương đương tiền của khách hàng cuối năm (40 = 20 + 30)	40	698.800.681.634	710.651.908.994
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	698.800.681.634	710.651.908.994
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	698.800.681.634	710.651.908.994
Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		357.537.508.488	414.574.109.218

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B04 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2025	
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND
Vốn cổ phần	1.500.098.190.000	2.000.098.190.000	500.000.000.000	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	12.064.998.139
Lợi nhuận chưa phân phối	99.830.543.272	54.935.807.608	12.488.415.183	(57.383.150.847)	93.320.352.400	(20.000.932.900)
Trong đó:						
Lợi nhuận đã thực hiện	105.003.116.298	47.619.965.451	-	(12.380.352.147)	79.926.267.830	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(45.002.798.700)	-	(20.000.932.900)
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(5.172.573.026)	7.315.842.157	12.488.415.183	-	13.394.084.570	-
Tổng cộng	1.611.992.546.411	2.067.097.810.747	512.488.415.183	(57.383.150.847)	93.320.352.400	(20.000.932.900)
					2.067.097.810.747	2.140.417.230.247

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
 Kế toán viên

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
 Kế toán trưởng



Ông Chen Chia Ken
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 102/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 2.000.098.190.000 VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, cho vay ký quỹ, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 274 nhân viên (31/12/2024: 329 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) như Thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

- Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- Chứng quyền bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá thị trường sau ngày ghi nhận ban đầu.
- Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính khi phát sinh.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm
Đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	317.976.669.137	181.967.755.066
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	552.500.000.000	696.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay - gộp (ii)	4.119.776.448.820	2.874.796.226.533
Các khoản phải thu (ii)	86.440.418.793	51.291.372.400
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	28.033.051.679	3.773.839.584
Các khoản phải thu khác - gộp (ii)	12.984.636.386	13.808.912.532
Các tài sản ngắn hạn khác (iii)	8.999.901.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	250.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.622.592.556	5.470.397.057
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	19.464.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.099.739.676	10.079.572.716
	5.411.433.458.047	3.856.652.191.956

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Các khoản phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	11.548.588.345	11.593.764.091
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	52.377.478.549	3.316.267.434
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	49.061.211.115
	63.926.066.894	63.971.242.640

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	3.269.823.530	3.282.870.350
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	7.160.030	5.620.250
▪ Sàn UPCOM	3.262.663.500	3.277.250.100
TSTC phong tỏa, tạm giữ	4.842.495.000	4.842.495.000
	8.112.318.530	8.125.365.350

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	400.979.417	420.484.606
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	5.694.219	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	-	5.694.219
	406.673.636	426.178.825

(iii) Tài sản ngắn hạn khác

Bao gồm trong tài sản ngắn hạn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, là các khoản ký quỹ cho giao dịch chứng khoán phái sinh được đặt theo yêu cầu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	2.871.519.000.000	2.924.363.118.920	2.924.363.118.920
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	514.054.779.270	514.054.779.270	514.054.779.270
Phải trả người bán	61.171.382	61.171.382	61.171.382
Chi phí phải trả	17.034.729.873	17.034.729.873	17.034.729.873
Các khoản phải trả khác	3.949.613.068	3.949.613.068	3.949.613.068
	3.406.619.293.593	3.459.463.412.513	3.459.463.412.513

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.433.388.000.000	1.459.823.545.331	1.459.823.545.331
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	399.765.881.440	399.765.881.440	399.765.881.440
Phải trả người bán	713.921.382	713.921.382	713.921.382
Chi phí phải trả	8.635.491.827	8.635.491.827	8.635.491.827
Các khoản phải trả khác	2.110.615.668	2.110.615.668	2.110.615.668
	1.844.613.910.317	1.871.049.455.648	1.871.049.455.648

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	(94.000.000)	(2.467.519.000.000)	(39.000.000)	(989.388.000.000)
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	94.000.000	2.467.519.000.000	35.000.000	887.184.000.000
Vị thế tiền tệ thuần	-	-	(4.000.000)	(102.204.000.000)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2025	31/12/2024
USD/VND	26.377	25.551

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
USD (mạnh hơn 5% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	4.088.160.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	317.976.669.137	181.967.755.066
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	552.500.000.000	696.000.000.000
Các khoản phải thu về cho vay – thuần	4.072.241.465.271	2.827.261.242.984
Tài sản ngắn hạn khác	8.999.901.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	250.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	19.464.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.099.739.676	10.079.572.716
Vay ngắn hạn	(2.871.519.000.000)	(1.433.388.000.000)
	2.360.298.775.084	2.301.384.686.834

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(iii) Rủi ro thị trường khác**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính của Công ty chịu rủi ro biến động giá cổ phiếu như sau:

	Giá trị ghi sổ/Giá trị hợp lý 31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các công cụ tài chính chịu rủi ro biến động giá cổ phiếu		
Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL		
▪ Cổ phiếu niêm yết	120.679.032.998	13.877.519.998
▪ Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.814.891	1.062.614.891
▪ Chứng chỉ quỹ	74.399.780.282	58.902.284.652
Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL		
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(9.504.754.000)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nếu giá cổ phiếu tăng/giảm 14% trong khi các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ lần lượt tăng/giảm 20.787 triệu đồng (31/12/2024: nếu giá cổ phiếu tăng/giảm 8% trong khi các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ lần lượt tăng/giảm 4.726 triệu đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
• Cổ phiếu niêm yết	120.679.032.998	120.679.032.998	13.877.519.998	13.877.519.998
• Chứng chỉ quỹ	74.399.780.282	74.399.780.282	58.902.284.652	58.902.284.652
• Cổ phiếu đang ký giao dịch trên UPCOM	27.814.891	27.814.891	1.062.614.891	1.062.614.891
• Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	552.500.000.000	552.500.000.000	696.000.000.000	696.000.000.000
▪ Trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành	250.000.000.000	(*)	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	317.980.705.392	317.980.705.392	181.971.791.321	181.971.791.321
▪ Các khoản cho vay - thuần	4.072.241.465.271	(*)	2.827.261.242.984	(*)
▪ Các khoản phải thu	86.440.418.793	(*)	51.291.372.400	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	28.033.051.679	(*)	3.773.839.584	(*)
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	4.705.871.571	(*)	5.498.018.791	(*)
▪ Tài sản ngắn hạn khác	8.999.901.000	(*)	-	-
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.622.592.556	(*)	5.470.397.057	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	19.464.116.068	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.099.739.676	(*)	10.079.572.716	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(9.504.754.000)	(9.504.754.000)	-	-
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(2.871.519.000.000)	(*)	(1.433.388.000.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(514.054.779.270)	(*)	(399.765.881.440)	(*)
▪ Phải trả người bán	(61.171.382)	(*)	(713.921.382)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(17.034.729.873)	(*)	(8.635.491.827)	(*)
▪ Phải trả khác	(3.949.613.068)	(*)	(2.110.615.668)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 1.001
 IÁN
 ' TN
 IG
 CH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	4.036.255	4.036.255
Tiền gửi ngân hàng	72.546.646.103	38.426.066.789
Các khoản tương đương tiền (i)	245.430.023.034	143.541.688.277
Tiền và các khoản tương đương tiền theo báo cáo lưu chuyển tiền tệ	317.980.705.392	181.971.791.321

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 245.430.023.034 VND (31/12/2024: 53.541.688.277 VND) được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20(i)).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2025		2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	27.605.737	1.012.245.852.200	3.879.030	144.096.024.910
Trái phiếu	8.980.000	957.831.620.000	-	-
Chứng khoán khác	79.808.500	123.381.590.000	2.513.700	8.726.454.000
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	4.816.836.470	113.872.156.965.324	3.758.488.890	84.942.921.881.160
Trái phiếu	602.311	65.777.054.825	746.230	77.577.268.590
Chứng khoán khác	28.656.536	83.179.650.750	76.859.120	317.096.783.280
	4.962.489.554	116.114.572.733.099	3.842.486.970	85.490.418.411.940

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính****(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	117.804.220.211	120.679.032.998	13.758.762.493	13.877.519.998
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.814.891	27.814.891	1.159.814.891	1.062.614.891
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	15.046.527	15.046.527
Chứng chỉ quỹ	58.783.422.803	74.399.780.282	50.000.000.000	58.902.284.652
	176.630.504.432	195.121.674.698	64.933.623.911	73.857.466.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Số lượng	31/12/2025				Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2025			
		Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)			
Cổ phiếu niêm yết									
HPG	712.700	19.304.831.748	18.815.280.000	1.106.000	490.657.748	18.815.280.000			
MWG	134.700	10.571.008.801	11.907.480.000	1.336.471.199	-	11.907.480.000			
TPB	584.210	10.041.480.332	9.989.991.000	-	51.489.332	9.989.991.000			
FPT	91.800	8.769.535.725	8.794.440.000	37.794.639	12.890.364	8.794.440.000			
VIC	47.400	7.552.038.984	8.039.040.000	487.001.016	-	8.039.040.000			
Các cổ phiếu khác	1.714.095	61.565.324.621	63.132.801.998	2.858.051.592	1.290.574.215	63.132.801.998			
	3.284.905	117.804.220.211	120.679.032.998	4.720.424.446	1.845.611.659	120.679.032.998			
UPCOM									
Các cổ phiếu khác	735	27.814.891	27.814.891	-	-	27.814.891			
Cổ phiếu chưa niêm yết									
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527			
Chứng chỉ quỹ									
E1VFN30	127.400	3.803.407.863	4.597.866.000	794.458.137	-	4.597.866.000			
FUEVFVND	132.800	4.980.014.940	5.086.240.000	106.225.060	-	5.086.240.000			
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	64.715.674.282	14.715.674.282	-	64.715.674.282			
	5.081.309	58.783.422.803	74.399.780.282	15.616.357.479	-	74.399.780.282			
	8.368.035	176.630.504.432	195.121.674.698	20.336.781.925	1.845.611.659	195.121.674.698			

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số lượng	31/12/2024	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024				Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
		Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)		
Cổ phiếu niêm yết							
VCB	28.000	2.541.924.444	2.553.600.000	11.675.556	-	-	2.553.600.000
CTG	43.000	1.317.263.568	1.625.400.000	308.136.432	-	-	1.625.400.000
BID	30.000	1.255.050.350	1.126.500.000	-	128.550.350	-	1.126.500.000
DHG	11.000	1.203.971.615	1.142.900.000	-	61.071.615	-	1.142.900.000
SAB	20.000	1.124.455.556	1.110.000.000	-	14.455.556	-	1.110.000.000
Các cổ phiếu khác	138.800	6.316.096.960	6.319.119.998	170.042.228	167.019.190	-	6.319.119.998
	270.800	13.758.762.493	13.877.519.998	489.854.216	371.096.711	-	13.877.519.998
UPCOM							
Các cổ phiếu khác	26.735	1.159.814.891	1.062.614.891	-	97.200.000	-	1.062.614.891
Cổ phiếu chưa niêm yết							
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	-	15.046.527
Chứng chỉ quỹ							
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	58.902.284.652	8.902.284.652	-	-	58.902.284.652
	5.119.730	64.933.623.911	73.857.466.068	9.392.138.868	468.296.711	-	73.857.466.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)				
▪ Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	446.500.000.000	(*)	626.000.000.000	(*)
▪ Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm và kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	106.000.000.000	(*)	70.000.000.000	(*)
	552.500.000.000		696.000.000.000	

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

▪ Trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành có kỳ hạn gốc trên 5 năm (ii)	250.000.000.000	(*)	-	-
--	-----------------	-----	---	---

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 522.500.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2024: 566.000.000.000 VND) (Thuyết minh 20(i)).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trái phiếu có mệnh giá là 150.000.000.000 VND đã được cầm cố tại các ngân hàng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2024: không có) (Thuyết minh 20(ii)).

(c) Các khoản phải thu về cho vay

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (iii)	3.991.452.169.554	(*)	2.739.085.479.371	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (iv)	128.324.279.266	(*)	135.710.747.162	(*)
	4.119.776.448.820		2.874.796.226.533	

- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 6,9% đến 15,2% (31/12/2024: từ 8,5% đến 14,8%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2024: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2024: từ 30% đến 70%).
- (iv) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 9,0% đến 13,5% (31/12/2024: từ 9,5% đến 13,5%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. Các khoản phải thu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	65.140.513.143	36.007.631.811
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	17.739.823.459	15.283.740.589
Lãi dự thu từ trái phiếu	3.560.082.191	-
	86.440.418.793	51.291.372.400

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	24.835.081.650	1.275.987.800
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	2.411.608.729	1.604.164.966
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	776.523.091	472.364.410
Phải thu khác	9.838.209	421.322.408
	28.033.051.679	3.773.839.584

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.949.567.762	12.014.248.697
Phải thu khác	1.035.068.624	1.794.663.835
	12.984.636.386	13.808.912.532

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi****(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính**

	Giá gốc VND	Tại ngày 31/12/2025 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549

	Giá gốc VND	Tại ngày 31/12/2024 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ và lãi dự thu	52.377.478.549	4.842.495.000	47.534.983.549

Biến động của dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	47.534.983.549	30.551.507.140
Dự phòng trích lập trong năm	-	17.999.697.389
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(1.016.220.980)
Số dư cuối năm	47.534.983.549	47.534.983.549

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi (tiếp theo)

(b) Dự phòng phải thu khó đòi

	Giá gốc VND	Tại ngày 31/12/2025 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.548.588.345	3.269.823.530	8.278.764.815

	Giá gốc VND	Tại ngày 31/12/2024 Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.593.764.091	3.282.870.350	8.310.893.741

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	8.310.893.741	6.893.691.319
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(32.128.926)	1.417.202.422
Số dư cuối năm	8.278.764.815	8.310.893.741

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí bảo trì thiết bị và phần mềm	1.105.819.424	1.890.363.353
Chi phí thuê trả trước	38.115.591	373.678.763
Các chi phí khác	2.614.844.904	2.910.511.381
	<u>3.758.779.919</u>	<u>5.174.553.497</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công cụ và dụng cụ	670.421.793	2.617.840.688
Phần mềm	1.106.850.433	1.979.918.254
Nâng cấp văn phòng	875.766.213	4.705.960.583
Các chi phí khác	638.960.915	848.360.448
	<u>3.291.999.354</u>	<u>10.152.079.973</u>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	10.152.079.973	18.287.789.360
Tăng trong năm	1.009.013.950	2.099.264.908
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.186.551.504
Phân bổ trong năm	(7.869.094.569)	(11.421.525.799)
	<u>3.291.999.354</u>	<u>10.152.079.973</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Các tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền ký quỹ cho giao dịch chứng khoán phái sinh	8.999.901.000	-

Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) ban hành, Công ty phải ký quỹ bằng tiền hoặc chứng khoán để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh và đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSDC quy định.

14. Tài sản cố định hữu hình**2025**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	48.015.620.576	2.265.440.000	929.900.569	51.812.143.364
Tăng trong năm	-	37.383.000	-	-	37.383.000
Thanh lý	-	(4.637.326.309)	(223.940.000)	(203.060.000)	(5.064.326.309)
Số dư cuối năm	601.182.219	43.415.677.267	2.041.500.000	726.840.569	46.785.200.055
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	36.492.060.931	2.265.440.000	478.576.614	39.837.259.764
Khấu hao trong năm	-	5.298.489.099	-	163.639.032	5.462.128.131
Thanh lý	-	(4.637.326.309)	(223.940.000)	(93.256.185)	(4.954.522.494)
Số dư cuối năm	601.182.219	37.153.223.721	2.041.500.000	548.959.461	40.344.865.401
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	11.523.559.645	-	451.323.955	11.974.883.600
Số dư cuối năm	-	6.262.453.546	-	177.881.108	6.440.334.654

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****2024**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Tăng trong năm	-	4.548.830.000	-	-	4.548.830.000
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	33.912.000	33.912.000
Số dư cuối năm	601.182.219	48.015.620.576	2.265.440.000	929.900.569	51.812.143.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Khấu hao trong năm	-	6.227.450.318	-	185.433.147	6.412.883.465
Số dư cuối năm	601.182.219	36.492.060.931	2.265.440.000	478.576.614	39.837.259.764
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065
Số dư cuối năm	-	11.523.559.645	-	451.323.955	11.974.883.600

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 28.111.038.616 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2024: 18.597.988.925 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	2025 Phần mềm máy vi tính VND	2024 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	36.879.716.400	26.091.616.400
Tăng trong năm	264.500.000	4.844.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.944.100.000
Số dư cuối năm	37.144.216.400	36.879.716.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	20.107.103.665	16.151.326.956
Khấu hao trong năm	5.088.900.824	3.955.776.709
Số dư cuối năm	25.196.004.489	20.107.103.665
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	16.772.612.735	9.940.289.444
Số dư cuối năm	11.948.211.911	16.772.612.735

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 11.473.416.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2024: 8.596.466.400 VND).

16. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	4.622.592.556	5.470.397.057

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	Thuế suất	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	10.499.496.186	10.505.921.972
Chi phí trích trước	20%	557.910.013	420.177.060
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	-	93.659.342
		11.057.406.199	11.019.758.374
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(3.698.234.053)	(1.878.427.774)
Chênh lệch giảm từ đánh giá lại khoản phải trả về chứng quyền	20%	(443.751.292)	-
		(4.141.985.345)	(1.878.427.774)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		6.915.420.854	9.141.330.600

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	19.464.116.068	16.964.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	-	1.672.969.148
Thu nhập lãi phát sinh trong năm	1.156.167.909	827.030.852
Thu nhập lãi nhận được trong năm	(620.283.977)	-
Số dư cuối năm	20.000.000.000	19.464.116.068

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***19. Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.099.739.676	10.079.572.716

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	10.079.572.716	10.059.454.943
Lãi phát sinh trong năm	20.166.960	20.117.773
Số dư cuối năm	10.099.739.676	10.079.572.716

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	464.980.950.500	302.444.042.910
Phải trả liên quan đến bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	21.917.339.770	96.446.838.530
Phải trả chứng quyền có bảo đảm	9.504.754.000	-
Phải trả liên quan đến hoạt động đầu giá cổ phiếu	9.361.824.000	-
Phải trả liên quan đến thực hiện quyền mua	8.289.911.000	875.000.000
	514.054.779.270	399.765.881.440

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2025

	Số dư đầu năm Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.060.047.048	-	21.209.412.351	(14.119.382.483)	5.029.982.820
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.376.295.161	112.739.533.606	(110.339.542.767)	9.776.286.000
Thuế giá trị gia tăng	-	345.475	157.009.786	(155.986.846)	1.368.415
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	779.898.798	21.314.078.568	(19.194.337.440)	2.899.639.926
	2.060.047.048	8.156.539.434	155.420.034.311	(143.809.249.536)	17.707.277.161

2024

	Số dư đầu năm Phải trả VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Phải thu VND	Số dư cuối năm Phải trả VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.876.238.675	2.783.054.935	(8.719.340.658)	2.060.047.048	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.122.225.824	96.152.852.799	(95.898.783.462)	-	7.376.295.161
Thuế giá trị gia tăng	15.828.533	118.234.429	(133.717.487)	-	345.475
Thuế nhà thầu nước ngoài	968.005.930	11.925.617.606	(12.113.724.738)	-	779.898.798
	11.982.298.962	110.979.759.769	(116.865.566.345)	2.060.047.048	8.156.539.434

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí cho nhân viên	16.721.624.838	8.929.587.973
Chi phí giao dịch chứng khoán	4.361.331.554	2.670.256.292
Chi phí lãi	8.067.379.522	3.434.719.656
Các chi phí khác	4.606.018.797	2.530.515.879
	33.756.354.711	17.565.079.800

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả cổ tức	3.930.652.913	2.095.392.513
Các khoản phải trả cho khách hàng	-	10.000.000
Các khoản phải trả khác	18.960.155	5.223.155
	3.949.613.068	2.110.615.668

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	200.009.819	2.000.098.190.000	200.009.819	2.000.098.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.819	2.000.098.190.000	200.009.819	2.000.098.190.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	200.009.329	2.000.097.005.000	200.009.329	2.000.097.005.000

26. Cổ tức

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 20.000.932.900 VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (2024: 45.002.798.700 VND từ lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL

2025	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Chứng quyền có bảo đảm	34.528.200	1.431	49.422.174.539	47.137.949.000	2.284.225.539
Trái phiếu	4.680.000	106.741	499.549.420.000	498.995.020.000	554.400.000
Chứng chỉ quỹ	115.900	26.988	3.127.875.000	3.186.658.197	(58.783.197)
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	12.352.511	36.803	454.610.203.300	454.696.056.282	(85.852.982)
Hợp đồng tương lai					(2.606.440.000)
	51.676.611	19.481	1.006.709.672.839	1.004.015.683.479	87.549.360
Trong đó:					
Lãi từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					22.012.955.356
Lỗ từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					(21.925.405.996)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2024	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	2.414.630	35.486	85.686.744.910	81.743.443.577	3.943.301.333
Chứng quyền có bảo đảm	2.424.100	3.244	7.862.635.789	8.733.303.500	(870.667.711)
	4.838.730	19.333	93.549.380.699	90.476.747.077	3.072.633.622
Trong đó:					
Lãi từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					5.634.885.838
Lỗ từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL					(2.562.252.216)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***28. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	45.706.200.241	37.337.733.669
Thu nhập lãi từ trái phiếu	6.432.931.191	-
	52.139.131.432	37.337.733.669

29. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	326.956.282.716	268.041.189.527
Thu nhập lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	10.270.190.316	10.492.234.820
	337.226.473.032	278.533.424.347

30. Chi phí môi giới chứng khoán

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lương cho nhân viên và hoa hồng cho môi giới	119.387.882.340	103.616.981.844
Phí môi giới chứng khoán	41.805.978.244	30.886.469.119
Chi phí thuê	11.912.856.006	15.441.300.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.368.139.456	11.343.689.482
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.849.331.232	3.099.750.388
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	496.435.505	526.632.944
Chi phí khác	1.173.147.840	1.862.725.136
	187.993.770.623	166.777.549.418

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí lãi**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	151.827.798.512	127.618.442.639
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	1.141.711.194	1.187.610.102
	152.969.509.706	128.806.052.741

32. Chi phí quản lý

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lương cho nhân viên	50.672.807.127	45.734.078.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.411.789.276	30.555.188.185
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	10.054.593.450	9.842.027.230
Chi phí thuê	7.729.810.228	7.587.180.882
Chi phí công cụ và dụng cụ	7.369.953.079	9.082.983.587
Chi phí khác	2.800.813.160	3.878.525.471
	108.039.766.320	106.679.984.276

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	21.155.944.800	2.780.505.495
Dự phòng thiếu của những năm trước	53.467.551	2.549.440
	<hr/> 21.209.412.351	<hr/> 2.783.054.935
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	2.225.909.746	(2.550.205.389)
	<hr/> 23.435.322.097	<hr/> 232.849.546

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	116.755.674.497	340.912.582
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	23.351.134.899	68.182.516
Chi phí không được khấu trừ thuế	188.975.047	276.641.814
Thu nhập không bị tính thuế	(158.255.400)	(114.524.224)
Dự phòng thiếu của những năm trước	53.467.551	2.549.440
	<hr/> 23.435.322.097	<hr/> 232.849.546

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu****(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	93.320.352.400	108.063.036

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 VND	2024 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	200.009.819	150.009.819
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	4.508.197
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(490)	(490)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	200.009.329	154.517.526

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	467	0,7

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Cổ đông lớn		
Phu Hung Far East Holding Corporation		
Cổ tức bằng tiền đã trả	9.200.460.000	20.701.380.000
Góp vốn	-	230.000.000.000
New Beam International Inc		
Cổ tức bằng tiền đã trả	4.167.674.500	7.853.023.500
Góp vốn	-	155.000.000.000
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	131.886.108	86.697.379
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức bằng tiền đã trả	-	5.234.220.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	747.341.500	2.242.024.500
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	24.550.170	24.751.951
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	313.684.700	941.054.100
Phí bảo hiểm	66.197.834	85.972.476
Phí quản lý sổ cổ đông	27.272.727	27.272.725
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	7.485.529	10.445.625
Phí giao dịch	49.870.843	-
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Cổ tức bằng tiền đã trả	129.048.600	387.145.800
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.239.248	4.274.089
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phí dịch vụ	20.069	1.228.290.323
Phí giao dịch	94.960.850	42.748.621
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.594.827	4.515.245
Phí quản lý sổ cổ đông	45.454.548	45.328.285

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Cổ đông lớn		
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức phải trả	1.744.740.000	-
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
New Beam International Inc		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	12.377.993	7.538.903
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái (i)		
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	43.448.503	70.446.185
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (ii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	-	908.563
Doanh thu chưa thực hiện	9.604.107	9.604.107
Freshfields Capital Corporation (iii)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	383.274	371.660
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (iv)		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	729.590	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng (v)		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	156.800	-
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	8.694.217	1.085.121.900
Doanh thu chưa thực hiện	11.742.422	11.742.422



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)**

	2025 VND	2024 VND
Thù lao nhân sự quản lý chủ chốt		
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.326.837.540	1.999.683.502
Người quản lý khác của Ban Quản lý		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.096.191.304	1.865.111.265
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	720.000.000	720.000.000
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	-	240.000.000
Bà Lin, Hsiu-Chu – Thành viên	240.000.000	-

- (i) Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (ii) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – Phó Tổng Giám Đốc của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng là Trưởng Ban Kiểm Soát của Công ty.
- (iii) Freshfields Capital Corporation – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Freshfields Capital Corporation là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (iv) Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
- (v) Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng
- Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.
 - Một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ Phú Hưng là Tổng Giám Đốc của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

36. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2025						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	185.023.390.113	36.590.626.984	446.133.174.529	7.949.278.301	675.696.469.927
2. Chi phí trực tiếp	02	187.497.335.118	28.279.280.336	323.732.673.943	7.086.810.972	546.596.100.369
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	496.435.505	-	10.054.593.450	-	10.551.028.955
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	04	-	1.834.630.058	-	-	1.834.630.058
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	(32.128.926)	-	(32.128.926)
6. Thu nhập khác	06	-	-	-	336.415.408	336.415.408
7. Chi phí khác	07	-	-	-	327.580.382	327.580.382
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)	08	(2.970.380.510)	6.476.716.590	112.378.036.062	871.302.355	116.755.674.497
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Tài sản bộ phận		66.470.019.638	195.458.865.384	5.319.085.535.588	3.200.457.178	5.584.214.877.788
Nợ phải trả bộ phận		502.162.175.292	540.499.977	2.930.646.240.915	10.448.731.357	3.443.797.647.541

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

36. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2024						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	146.796.428.959	12.554.313.374	339.470.805.587	7.828.166.076	506.649.713.996
2. Chi phí trực tiếp	02	166.250.916.474	7.005.432.232	294.780.132.582	9.055.184.242	477.091.665.530
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	526.632.944	-	9.842.027.230	-	10.368.660.174
4. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	04	-	(399.608.767)	-	-	(399.608.767)
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	19.416.899.811	-	19.416.899.811
6. Thu nhập khác	06	-	-	-	308.753.709	308.753.709
7. Chi phí khác	07	-	-	-	139.938.375	139.938.375
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)	08	(19.981.120.459)	5.948.489.909	15.431.745.964	(1.058.202.832)	340.912.582
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Tài sản bộ phận		52.338.768.395	73.919.649.233	3.803.027.149.955	2.079.801.674	3.931.365.369.257
Nợ phải trả bộ phận		407.347.110.448	262.089.707	1.456.135.987.352	522.371.003	1.864.267.558.510

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (tức là một bộ phận đơn lẻ).

12/12/2025

12/12/2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

37. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Trong vòng một năm	16.663.402.904	22.938.870.704
Từ hai đến năm năm	15.050.718.502	17.344.063.347
	<hr/>	<hr/>
	31.714.121.406	40.282.934.051

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Kế toán viên

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

📍 Tầng 21, tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Mỹ, TP.HCM

☎ 1900 25 23 58

🌐 www.phs.vn

✉ support@phs.vn